DU HỌC THÀNH CÔNG

Cẩm nang Du học Mỹ

THPT NỘI TRÚ

Nội trú Mỹ là gì · Lộ trình theo lứa tuổi · Chọn trường & hồ sơ · Phỏng vấn & SSAT · Chi phí thực tế · Visa cho học sinh dưới 18 tuổi — cập nhật cho năm học 2026–2027.

duhocthanhcong.vn

Hà Nội: Tầng 6, Tòa nhà Horison Tower, 40 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa
Tp.HCM: Tầng 2, Toà nhà SGR, 167-169 Điện Biên Phủ, Phường Tân Định

MỞ ĐẦU

Về cẩm nang này

Cuốn cẩm nang này dành cho các gia đình Việt Nam đang cân nhắc cho con học trung học tại Mỹ — dù là trường nội trú, bán trú kèm homestay hay nội trú cấp 2. Đối tượng chúng tôi hướng đến là **bạn, những người làm cha mẹ**: người quyết định, chi trả và đồng hành suốt chặng đường; các em học sinh đọc cùng cũng rất tốt, nhất là phần Ghi chú "Dành cho học sinh".

Nếu mới bắt đầu tìm hiểu, hãy đọc trọn vẹn từ Chương 1 đến Chương 11 — các chương được xếp theo đúng trình tự một hành trình: hiểu mô hình, chọn thời điểm, chọn trường, làm hồ sơ, phỏng vấn, thi cử, tài chính, visa, và sau khi học sinh nhập học tại Mỹ. Nếu đã ở giữa hành trình này, bạn cứ mở thẳng chương đang cần — mỗi chương đều tự đứng độc lập và có chỉ dẫn sang chương liên quan khi cần.

Đôi lời về chúng tôi: Du Học Thành Công (DHTC) đã hoạt động trong lĩnh vực du học Mỹ hơn 15 năm, có văn phòng tại Hà Nội và Tp.HCM. Chúng tôi duy trì danh mục khoảng 310 trường Trung học Mỹ tại duhocthanhcong.vn theo một quy tắc riêng: mọi trường trong danh mục đều nhận học sinh quốc tế cho chương trình nội trú, một số trường cung cấp homestay. Cẩm nang này không thay thế việc tư vấn riêng cho từng hồ sơ; nó giúp bạn bước vào mọi cuộc tư vấn — với chúng tôi hay bất kỳ ai — trong tư thế của người đã có những hiểu biết nhất định.

01 Nội trú Mỹ là gì — và có hợp với con bạn?

02 Lộ trình theo lớp: bắt đầu khi nào, nộp khi nào

03 Chọn trường: những tiêu chí thật sự quan trọng

04 Hồ sơ ứng tuyển nội trú từ A đến Z

05 Phỏng vấn: nơi hồ sơ thành con người

06 SSAT và tiếng Anh: thi gì, cần bao nhiêu

07 Chi phí thật của trung học Mỹ

08 Visa F-1 cho học sinh dưới 18 tuổi

09 Cuộc sống nội trú — và vai trò của cha mẹ ở xa

10 Ngoài Mỹ: Anh, Úc và New Zealand ở bậc trung học

11 Sau nội trú: cánh cửa vào đại học Mỹ

CHƯƠNG 1

Nội trú Mỹ là gì — và có hợp với con bạn?

Gửi một đứa trẻ 14–16 tuổi sang ngôi trường cách nhà hơn 13.000 km là một trong những quyết định lớn nhất của một gia đình. Khác với du học đại học, đây là chuyện giao một trẻ vị thành niên cho người khác chăm sóc trong những năm hình thành nhân cách — băn khoăn là hoàn toàn bình thường. Chương này vẽ bản đồ các loại trường trung học Mỹ, chương trình con sẽ học, và câu hỏi quan trọng nhất: con bạn có hợp với con đường này không — nếu có, thì từ lớp mấy.

Trường nội trú (boarding school): mô hình "đại học thu nhỏ"

Trường nội trú (boarding school) là trường có ký túc xá ngay trong khuôn viên: học sinh ăn, ngủ, học, chơi thể thao tại trường cả tuần, chỉ về nhà vào các kỳ nghỉ chính. Mỹ hiện có khoảng 300 trường nội trú được kiểm định, hầu hết tuyển sinh lớp 9–12. Hầu như tất cả đều là trường tư thục — học sinh quốc tế học theo visa F-1. (Mỹ có một số ít trường nội trú công lập, như hệ trường SEED hay các học viện khoa học của bang, nhưng chỉ nhận học sinh trong bang, không tuyển học sinh quốc tế. Trường công lập nói chung chỉ nhận học sinh quốc tế diện giao lưu văn hóa visa J-1 — một năm rồi phải về nước, không phải con đường dài hạn.)

Một trường điển hình có 200–800 học sinh, với ký túc xá, nhà ăn, sân thể thao, phòng thí nghiệm. Sĩ số lớp nhỏ (8–15 học sinh), nhiều giáo viên sống ngay trong trường — con bạn được giám sát và hỗ trợ 24/7, kể cả cuối tuần.

Trên hồ sơ trường, bạn sẽ gặp **tỷ lệ nội trú** — phần trăm học sinh sống tại trường, từ 10% đến 100%. Tỷ lệ càng cao, đời sống ký túc xá và hoạt động cuối tuần càng được đầu tư — điểm đáng so sánh, vì học sinh quốc tế thường ở nội trú 7 ngày/tuần.

Chi phí trọn gói (học phí, ăn ở, bảo hiểm, sách vở, khoản phụ) thường ở mức $60.000–$85.000/năm học — khoảng 1,6–2,2 tỷ đồng theo tỷ giá ước tính ~26.000đ/USD. Nhân 4 năm là $250.000–$330.000, tương đương hoặc cao hơn cả 4 năm đại học Mỹ. Học bổng cho học sinh quốc tế bậc này rất hạn chế — bàn kỹ ở Chương 7.

> **LƯU Ý**
>
> Không phải trường nội trú nào cũng "tinh hoa". Trong khoảng 300 trường, chỉ 30–40 thực sự xuất sắc; một số tuyển quốc tế ồ ạt nhưng nền tảng học thuật mỏng. "Nội trú Mỹ" tự nó không bảo đảm chất lượng — chọn đúng trường mới quyết định.

Trường bán trú (day school) — và mô hình homestay

Trường bán trú (day school) chiếm số lượng lớn nhất trong hệ thống trường Mỹ: học sinh đến trường khoảng 7:30 sáng, tan học khoảng 3:00 chiều. Học phí thấp hơn hẳn — khoảng $8.000 – $35.000/năm ở trường tư thục — vì không gồm ăn ở.

Học sinh Việt chưa có người thân ở Mỹ học day school bằng cách nào? Câu trả lời là **homestay**: con sống cùng một gia đình bản xứ đã được thẩm định, có phòng riêng và các bữa ăn tại nhà, được đưa đón đi học hằng ngày. Trường hoặc tổ chức điều phối tuyển chọn gia đình, kiểm tra lý lịch và theo dõi định kỳ; phí homestay trả riêng, ngoài học phí. Đổi lại, con sống trong nhịp sinh hoạt của một gia đình Mỹ thực thụ — trải nghiệm mà ký túc xá không có.

Đây là điểm nhiều gia đình bỏ sót: day school + homestay là con đường du học hoàn toàn nghiêm túc, không phải "phương án hạng hai". Trong danh mục trường THPT của DHTC, mọi trường đều nhận học sinh quốc tế theo một trong hai hình thức — ký túc xá, hoặc homestay do trường thu xếp. Con số "Nội trú %" vì thế chỉ mô tả đời sống của trường, không phải điều kiện.

> Danh mục ~310 trường THPT Mỹ của DHTC tại **duhocthanhcong.vn/truong-thpt/** ghi rõ từng trường nhận học sinh quốc tế theo hình thức nào — nội trú hay homestay — kèm tỷ lệ nội trú và chi phí công bố của từng trường.

Nội trú cấp 2 (junior boarding) — cho lớp 6–8

Junior boarding school là trường nội trú cho học sinh nhỏ tuổi, phần lớn nhận từ lớp 6. Đây là phân khúc rất nhỏ — toàn nước Mỹ chỉ có khoảng hơn chục trường chuyên nội trú cấp 2 (hiệp hội Junior Boarding Schools Association gồm 11 trường thành viên, tập trung ở vùng Đông Bắc). Ngoài ra có khoảng hơn 100 trường nội trú liên cấp nhận học sinh nội trú từ lớp 8 trở xuống, nhưng đó không phải trường chuyên cấp 2. Các trường junior boarding thường là bước đệm: học 1–3 năm để hoàn thiện tiếng Anh, làm quen môi trường Mỹ trước khi thi vào các trường THPT nội trú lớn hơn. Vì học sinh còn nhỏ, mức độ kèm cặp và giám sát chặt hơn hẳn trường cấp 3. Có nên đi sớm như vậy không — chúng tôi bàn thẳng ở cuối chương.

Trường nam sinh, trường nữ sinh — nên hiểu thế nào?

Phần lớn trường nội trú Mỹ ngày nay là trường **đồng giáo** (co-ed) — nhận cả nam và nữ, tách khu ký túc xá. Một số ít là trường **đơn giới**, chỉ nhận nam sinh hoặc nữ sinh; lập luận: học sinh tập trung và tự tin hơn trong môi trường thiết kế riêng cho một giới.

Nhiều phụ huynh Việt e ngại: sợ môi trường "toàn con trai" thô cứng, thiếu đa dạng, con kém kỹ năng xã hội. Thực tế ở các trường đơn giới tốt khác xa hình dung đó. Lời khuyên tỉnh táo: đừng chọn hay loại một trường chỉ vì nhãn "nam sinh"/"nữ sinh" — hãy đánh giá từng trường cụ thể, và quan trọng nhất, hỏi chính con bạn có thoải mái không.

> **VÍ DỤ THỰC TẾ**
>
> Cardigan Mountain School (New Hampshire), trường nam sinh bậc cấp 2, có hơn 235 học sinh đến từ 20–25 bang và 12–15 quốc gia. Đơn giới không đồng nghĩa với đơn điệu.

Con bạn sẽ học gì ở trường trung học Mỹ?

THPT Mỹ chạy từ lớp 9 đến lớp 12, học theo tín chỉ. Các môn bắt buộc gồm bốn nhóm: tiếng Anh (thường 4 năm), toán (thường 3 tín chỉ), khoa học (thường là Sinh, Hóa, Lý) và các môn xã hội (Lịch sử, Kinh tế,

Địa lý…), cộng thêm giáo dục thể chất và sức khỏe ở nhiều bang.

Điểm khác biệt lớn nhất so với Việt Nam là **môn tự chọn**: nghệ thuật thị giác và biểu diễn, khoa học máy tính, kinh doanh, báo chí, ngoại ngữ thứ hai… Học sinh khá giỏi có thể học các lớp **AP** hoặc **IB** — chương trình trình độ đại học được đại học Mỹ công nhận. Phương pháp học nghiêng về thảo luận, viết luận và tư duy phản biện thay vì luyện đề — chính những kỹ năng con cần ở đại học.

> **DÀNH CHO HỌC SINH**
>
> Ở Mỹ, em tự chọn phần lớn thời khóa biểu. Hãy chọn môn tự chọn theo thứ em thực sự tò mò — đây là cơ hội thử các hướng nghề nghiệp trước khi phải chọn ngành đại học.

Câu hỏi quan trọng nhất: con bạn đã sẵn sàng chưa?

Mô hình nào phù hợp phụ thuộc vào trường, nhưng thành bại phụ thuộc vào đứa trẻ. Con đường này hợp với con bạn khi hội đủ:

- Con tự lập, thích nghi tốt, hòa đồng — tự lo việc cá nhân, dám hỏi khi cần giúp đỡ.
- Tiếng Anh đủ để học và giao tiếp (chưa cần xuất sắc, nhưng không thể "sang đó rồi học").
- **Con chủ động muốn đi** — không phải bị bố mẹ thuyết phục. Đây là điều kiện quan trọng nhất.
- Tài chính chịu được 4 năm liên tục mà không căng thẳng.

Ngược lại, nên cân nhắc lại nếu con hướng nội mạnh, nếu chi phí là gánh nặng thật sự, hoặc nếu động cơ chính là của bố mẹ chứ không phải của con. Nhớ nhà, sốc văn hóa, áp lực học tập là rủi ro có thật: có học sinh Việt mất 1–2 năm mới hòa nhập, và đã có em phải về nước giữa chừng. Nói ra không phải để dọa bạn — một quyết định tốt cần nhìn đủ hai mặt.

Còn câu hỏi chúng tôi nghe thường xuyên: *"Con tôi đang học lớp 7, có nên đi luôn không?"* Về mặt kỹ thuật là được, và đi sớm có lợi ích thật: tuổi càng nhỏ học ngôn ngữ càng nhanh, hòa nhập văn hóa dễ hơn, nền tảng vững hơn khi thi vào trường cấp 3 tốt. Nhưng hãy thành thật: một đứa trẻ 12–13 tuổi xa nhà là chuyện rất khác so với 15 tuổi, và bố mẹ sẽ vắng mặt thêm hai năm hình thành nhân cách nữa. Chỉ nên đặt ra lựa chọn này khi chính con muốn đi và đã tự lập rõ rệt. Phần lớn gia đình Việt cho con nhập học từ lớp 9 hoặc lớp 10 — muộn hơn không phải là thua thiệt.

> **MẸO**
>
> Phân vân giữa lớp 7–8 và lớp 9? Một năm tại trường nội trú cấp 2 là "phép thử" thực tế: đủ để biết con có hợp với du học không, trước khi cam kết 4 năm THPT.

Nếu bạn thấy hình ảnh con mình trong chương này, chương tiếp theo trả lời câu hỏi kế tiếp: bắt đầu từ bao giờ, lộ trình chuẩn bị ra sao.

CHƯƠNG 2

Lộ trình theo lớp: bắt đầu khi nào, nộp khi nào

Với du học trung học, thời điểm bắt đầu quyết định gần như mọi thứ còn lại: con bạn sẽ vào lớp mấy ở Mỹ, gia đình còn bao nhiêu trường để chọn, và có kịp xin hỗ trợ tài chính hay không. Chương này trả lời hai câu hỏi phụ huynh hỏi nhiều nhất: con nên nhắm vào lớp mấy bên Mỹ, và từng mốc của mùa tuyển sinh rơi vào lúc nào.

Con đang học lớp mấy — vào lớp mấy ở Mỹ?

Trung học Mỹ gồm bốn lớp, từ **grade 9 đến grade 12**, và cách đánh số trùng với Việt Nam: grade 9 tương đương lớp 9, học sinh khoảng 14–15 tuổi. Lộ trình kinh điển của học sinh Việt là: con đang học lớp 8, gia đình chuẩn bị hồ sơ trong năm lớp 8, nộp vào tháng 1, và con nhập học grade 9 vào tháng 9 năm đó — trọn vẹn bốn năm trung học Mỹ.

Con đang học (Việt Nam)	Nhập học ở Mỹ	Nhận xét
Lớp 6–7	Grade 7–8	Phân khúc nội trú cấp 2 (**junior boarding**) dành cho học sinh nhỏ tuổi — chỉ khoảng hơn chục trường chuyên toàn nước Mỹ, xem Chương 1.
Lớp 8	Grade 9	Lộ trình kinh điển: nhiều chỉ tiêu nhất, đủ 4 năm để xây hồ sơ đại học.
Lớp 9	Grade 10	Vẫn thuận lợi; còn 3 năm trước khi nộp hồ sơ đại học.
Lớp 10	Grade 11	Khó hơn: chỉ tiêu ít, và chỉ còn hơn 1 năm trước mùa hồ sơ đại học.
Lớp 11	Grade 12	Phần lớn các trường không tuyển học sinh mới vào lớp cuối; thường được tư vấn nhập grade 11 thay vì grade 12.

Một điều phụ huynh Việt ít biết: học **"lùi" một lớp** không phải là thất bại. Không ít học sinh quốc tế đã xong lớp 9 ở nhà vẫn chủ động nhập grade 9 thay vì grade 10 — thêm một năm để tiếng Anh chín, quen phương pháp học, và có hồ sơ dày hơn khi nộp đại học. Các trường Mỹ coi đây là chuyện bình thường.

Đường chạy 12–18 tháng

Hồ sơ trung học nội trú đòi hỏi gần đủ các thành phần của một bộ hồ sơ đại học: bài thi chuẩn hóa **SSAT**, chứng chỉ tiếng Anh (TOEFL, IELTS hoặc Duolingo English Test) — chi tiết từng bài thi ở Chương 6 — bài luận của học sinh, phần trả lời của phụ huynh (parent statement), 2–3 thư giới thiệu, và phỏng vấn. Vì vậy quãng đường chuẩn từ lúc bắt đầu tìm hiểu nghiêm túc đến ngày nhập học là 12–18 tháng. Lấy ví dụ con bạn nhập học tháng 9/2027 (năm học 2027–2028):

Thời gian	Việc chính của chặng
Mùa xuân 2026	Xác định ngân sách thật của gia đình; nghiên cứu trường; lập danh sách 5–10 trường chia ba nhóm: an toàn — phù hợp — mơ ước.
Hè 2026	Bắt đầu luyện SSAT và thi tiếng Anh; nếu có điều kiện, một chuyến thăm 4–6 trường — các trường đánh giá cao ứng viên đã đến tận nơi.
Tháng 9–12/2026	Dự thi SSAT và chứng chỉ tiếng Anh (thi sớm để còn cơ hội thi lại); viết luận; nhờ giáo viên viết thư giới thiệu; dịch công chứng học bạ 2–3 năm gần nhất; phỏng vấn với các trường.
Tháng 1/2027	Nộp hồ sơ. Hạn phổ biến của các trường nội trú chọn lọc: **15 tháng 1**; một số trường 1/2.
10/3/2027	Kết quả tuyển sinh — các trường top công bố cùng ngày, quen gọi là **M10**.
~10/4/2027	Hạn trả lời và đặt cọc giữ chỗ ở trường con chọn.
Tháng 4–8/2027	Trường cấp I-20, xin visa F-1, khám sức khỏe và tiêm chủng theo yêu cầu của trường, sắp xếp chuyến bay.

Các mốc tháng 1 — tháng 3 — tháng 4 ở trên là nhịp chuẩn của các trường chọn lọc. Bên cạnh đó, nhiều trường xét hồ sơ theo kiểu **rolling admissions**: nhận và trả kết quả liên tục cho đến khi đủ chỉ tiêu, có khi kéo dài đến đầu hè. Chi tiết này quan trọng — nó là lối vào cho những gia đình quyết định muộn, ở phần dưới.

> **MẸO**
>
> Hãy lập lịch bằng cách trừ lùi từ hạn nộp: điểm SSAT và điểm tiếng Anh phải có trước 15/1, nghĩa là lần thi cuối cùng an toàn rơi vào tháng 12; thư giới thiệu nên nhờ giáo viên trước ít nhất một tháng; bài luận cần vài vòng viết lại.

> **DÀNH CHO HỌC SINH**
>
> Phần từ vựng của SSAT không nhồi được trong một tháng — hãy bắt đầu đọc tiếng Anh mỗi ngày từ ít nhất một năm trước kỳ thi. Và khi đăng ký tài khoản thi, hãy ghi họ tên đúng như trên hộ chiếu: sai một chữ cũng đủ rắc rối ở phòng thi.

Quyết định muộn thì sao — thực tế và giới hạn

Thực tế ở Việt Nam: rất nhiều gia đình chỉ chốt ý định vào tháng 3–5, cho nhập học tháng 9 cùng năm. So với lịch chuẩn là muộn, nhưng không vô vọng — cần biết rõ mình còn gì và mất gì.

- **Vẫn còn:** các trường xét rolling admissions còn nhận hồ sơ đến cuối xuân, đầu hè; trong đó có cả những trường chất lượng tốt nhưng ít được biết đến. Ngoài trường nội trú, nhóm trường bán trú (day school) kèm homestay — mô hình đã giải thích ở Chương 1 — thường linh hoạt hơn về thời hạn.
- **Đã mất:** các trường chọn lọc cao đã đóng hồ sơ từ giữa tháng 1; quỹ hỗ trợ tài chính ở hầu hết các trường đã phân bổ xong; và không còn thời gian luyện SSAT bài bản — nhiều trường xét muộn chấp

nhận thay bằng chứng chỉ tiếng Anh cùng phỏng vấn.

- **Phải làm dồn:** thi tiếng Anh (Duolingo English Test là lựa chọn nhanh nhất tính trọn gói: thi tại nhà không cần đặt lịch, có kết quả trong khoảng 2 ngày), phỏng vấn online, rồi ngay khi có thư nhận là I-20, lịch hẹn visa F-1 — mùa hè lịch hẹn thường đông — và chuẩn bị hành trang.

Nguyên tắc để giữ tỉnh táo: bắt đầu muộn thì chấp nhận ít lựa chọn hơn, nhưng đừng để chữ "muộn" ép gia đình chọn một trường mình không yên tâm. Nếu đến tháng 6–7 mà danh sách còn lại toàn trường lấn cấn, lùi sang nhập học tháng 1 (một số trường nhận học sinh giữa năm) hoặc tháng 9 năm sau thường rẻ hơn nhiều so với chọn vội rồi phải chuyển trường.

> **LƯU Ý**
>
> Các mốc trong chương này là mốc phổ biến, không phải quy định chung: mỗi trường tự đặt hạn nộp, ngày báo kết quả và hạn trả lời của mình. Luôn kiểm tra trên website từng trường trong danh sách của gia đình trước khi lên lịch.

CHƯƠNG 3

Chọn trường: những tiêu chí thật sự quan trọng

Nước Mỹ có khoảng 300 trường trung học nội trú truyền thống, chưa kể hàng loạt trường bán trú (day school) nhận học sinh quốc tế qua mô hình homestay. Nhưng chỉ khoảng 30–40 trường nội trú thực sự xuất sắc; phần còn lại trải dài từ tốt đến kém. Học trung học ở Mỹ không tự động đồng nghĩa với giáo dục chất lượng cao — điều quyết định là chọn đúng trường.

Câu hỏi đúng vì thế không phải "trường nào tốt nhất nước Mỹ?" mà là "trường nào phù hợp nhất với con mình?". Chương này đi qua những tiêu chí đáng tra cứu — và vì sao thứ hạng trên bảng xếp hạng không đứng đầu danh sách đó.

Tỷ lệ nội trú: con số cho biết cuối tuần của con trông ra sao

Tỷ lệ nội trú là phần trăm học sinh sống trong ký túc xá thay vì đi về trong ngày. Ít phụ huynh để ý con số này, nhưng nó quyết định trực tiếp nhịp sống của con — nhất là hai ngày cuối tuần, khi không còn lớp học lấp đầy thời gian.

Ở trường 90–100% nội trú, cuối tuần khuôn viên vẫn "sống": nhà ăn mở cửa, trận đấu thể thao, buổi chiếu phim, chuyến dã ngoại xuống phố. Ở trường chỉ 20–30% nội trú, chiều thứ Sáu phần lớn bạn học lên xe về nhà; những em ở lại chủ yếu là học sinh quốc tế. Không có mức nào là "đúng" — nhưng bạn cần biết mình đang chọn gì cho con.

Tỷ lệ nội trú	Trải nghiệm cuối tuần điển hình
90–100%	Cả trường ở lại; lịch hoạt động kín hai ngày; cộng đồng gắn bó kiểu "trường đại học thu nhỏ".
50–70%	Một nửa về nhà; vẫn có hoạt động nhưng thưa hơn; học sinh quốc tế cần chủ động tìm việc để làm.
Dưới 30%	Khuôn viên vắng từ chiều thứ Sáu; nhóm ở lại nhỏ và phần lớn là quốc tế; hợp với em thích yên tĩnh, khó với em cần đông vui.

Và nhớ quy tắc danh mục đã nói ở Chương 1: mọi trường trong danh mục của DHTC đều nhận học sinh quốc tế — nội trú hoặc homestay — nên tỷ lệ nội trú là thông tin mô tả, không phải bộ lọc để loại trường.

> **MẸO**
>
> Trường bán trú + homestay là lối đi tiết kiệm mà ít công ty tư vấn giải thích cho phụ huynh: tổng chi phí day school cộng homestay thường ở khoảng $16.000–$50.000/năm, thấp hơn hẳn trọn gói nội trú (bức tranh chi phí đầy đủ ở Chương 7). Chất lượng homestay vì vậy quan trọng không kém chất lượng trường: hãy hỏi rõ ai thẩm định gia đình, đổi nhà giữa chừng có được không.

Cộng đồng học sinh: tỷ lệ quốc tế, số bạn Việt và hỗ trợ ESL

Hai con số nên hỏi thẳng bộ phận tuyển sinh: bao nhiêu phần trăm học sinh quốc tế, và hiện có bao nhiêu học sinh Việt Nam. Tỷ lệ quốc tế quá cao — nhất là khi dồn vào một vài quốc tịch — làm loãng chính thứ gia đình bạn trả tiền để có: môi trường tiếng Anh 24/7; đông bạn đồng hương, các em rất dễ tụm lại nói tiếng mẹ đẻ. Ngược lại, trường chưa từng có học sinh Việt nghĩa là con phải tự mở đường, không có anh chị khóa trên chỉ dẫn. Điểm cân bằng nằm ở giữa; và quan trọng hơn con số là câu hỏi: học sinh quốc tế ở trường có thực sự hòa vào đời sống chung không?

Cùng lúc, hãy nhìn thẳng vào trình độ tiếng Anh hiện tại của con. Các trường top thường yêu cầu TOEFL 100+ hoặc IELTS 7.0+ và không có lớp hỗ trợ tiếng Anh. Nếu con chưa tới mức đó, một trường có chương trình **ESL** (English as a Second Language) bài bản là lựa chọn thực tế hơn nhiều. Ba câu đáng hỏi: ESL có tính phí riêng không, học sinh ESL học chung những môn chính khóa nào, và trung bình bao lâu thì ra khỏi ESL.

> **DÀNH CHO HỌC SINH**
>
> Hãy thành thật với chính mình: một chiều thứ Bảy lý tưởng của em trông như thế nào — sân bóng đông người hay một góc yên tĩnh? Em có sẵn sàng bắt chuyện với người không nói tiếng Việt không? Không có câu trả lời sai; nhưng câu trả lời thật sẽ giúp em và bố mẹ chọn đúng trường hơn bất kỳ bảng xếp hạng nào.

Quy mô, mô hình trường và vị trí

Một trường nội trú điển hình có 200–800 học sinh, sĩ số lớp 8–15 em. Trường nhỏ (dưới 300 em): mọi giáo viên biết tên con, khó ai bị "vô hình" — đổi lại ít lựa chọn môn và đội tuyển. Trường lớn (600–800 em): nhiều lớp nâng cao, nhiều đội thể thao và sân khấu — nhưng con phải chủ động hơn để được chú ý.

Về mô hình, phần lớn trường là **đồng giáo** (co-ed, nam nữ học chung, ký túc xá tách riêng); một số trường chỉ nhận nam sinh hoặc nữ sinh. Đừng vội gạch tên trường đơn giới vì định kiến — nhiều trường nhóm này có chất lượng và sự chăm sóc cá nhân rất tốt (xem ví dụ Cardigan Mountain School ở Chương 1).

Về vị trí: phần lớn trường nội trú truyền thống nằm ở Đông Bắc Mỹ, nơi mùa đông có tuyết kéo dài nhiều tháng; miền Nam hay California dễ chịu hơn với học sinh Việt. Trường gần thành phố lớn thuận tiện bay về Việt Nam; trường vùng quê yên tĩnh, an toàn, cộng đồng gắn bó hơn. Hai câu hỏi thực tế: từ trường ra sân bay quốc tế gần nhất mất bao lâu, và trường có đưa đón đầu, cuối kỳ nghỉ không.

Học thuật, thể thao và nghệ thuật: nhìn vào chương trình, đừng nhìn lời giới thiệu

Trang "Academics" của trường nào cũng viết hay. Thay vì đọc lời giới thiệu, hãy mở ba thứ trên website: danh mục môn học, danh sách lớp **AP** hoặc chương trình **IB**, và **matriculation list** — danh sách đại học mà học sinh tốt nghiệp 3–5 năm gần nhất đã nhập học. Trường tự nhận "chuẩn bị vào đại học hàng đầu" phải chứng minh được bằng matriculation list, không phải bằng khẩu hiệu.

Tư vấn hướng nghiệp đại học là một trong những lợi thế lớn nhất của trường nội trú: mỗi tư vấn viên thường chỉ phụ trách khoảng 30–50 học sinh, so với mức trung bình khoảng 1:370 — nhiều bang lên tới

1:400–1:500 — ở trường công lập Mỹ (số liệu Hiệp hội Tư vấn viên Học đường Mỹ, niên khóa 2024–25). Hãy hỏi: con bắt đầu làm việc riêng với tư vấn viên từ lớp mấy.

Thể thao và nghệ thuật ở trường nội trú không phải "ngoại khóa cho vui": hầu hết trường yêu cầu học sinh tham gia một hoạt động thể thao hoặc nghệ thuật mỗi buổi chiều. Nếu con chơi một môn thể thao hay một nhạc cụ, hãy kiểm tra trường có đội tuyển hoặc dàn nhạc đúng trình độ của con không — với học sinh quốc tế, đây thường là con đường kết bạn nhanh nhất.

Tỉnh táo với bảng xếp hạng

Không có bảng xếp hạng nào hoàn hảo: định nghĩa "trường tốt" của người lập bảng chưa chắc trùng với tiêu chí của gia đình bạn. Với trường trung học nội trú, vấn đề còn lớn hơn so với đại học: dữ liệu công khai ít hơn nhiều, một số bảng xếp hạng dựa chủ yếu vào đánh giá tự nguyện của người dùng, và khoảng cách chất lượng giữa các trường cùng "top" có thể rất xa. Bốn nguyên tắc:

- Lập tiêu chí của gia đình trước, rồi mới nhìn bảng xếp hạng — không làm ngược lại. Trường hạng cao theo tiêu chí A vẫn có thể sai hoàn toàn với gia đình cần tiêu chí B.
- Các trường trong cùng một khoảng thứ hạng về cơ bản tương đương nhau; đừng mất thời gian cân nhắc "hạng 5 hay hạng 10".
- Đối chiếu lại mọi con số (yêu cầu đầu vào, tỷ lệ chấp nhận) trên website của trường — số liệu trên bảng xếp hạng có thể đã cũ.
- Trường có thể tác động vào số liệu xếp hạng, từ cách khai báo đến những biện pháp kém minh bạch hơn. Ranking là nguồn tham khảo, không bao giờ là căn cứ duy nhất.

Và điều DHTC vẫn nói với mọi gia đình: năng lực, nỗ lực và sự phù hợp của con mới quyết định thành công — không phải cái tên trên cổng trường.

Lên danh sách — và một lối rẽ đáng biết

Sau khi chấm các trường theo những tiêu chí trên, hãy chốt danh sách 6–10 trường, chia ba nhóm như khi nộp đại học: **an toàn** (gần như chắc đậu), **mục tiêu** (vừa sức) và **mơ ước** (đáng thử sức). Đừng để cả danh sách toàn trường tỷ lệ chấp nhận 12–25% — hồ sơ mạnh đến đâu cũng cần phương án chắc chân.

> **LƯU Ý**
>
> Thận trọng với các trường tuyển sinh quốc tế ồ ạt, tỷ lệ chấp nhận 60–90%. Một số trường trong nhóm này chất lượng ổn; số khác chủ yếu phục vụ nhu cầu "có visa Mỹ" mà thiếu nền tảng học thuật. Trước khi nộp, hãy kiểm tra matriculation list, đội ngũ giáo viên, và tìm phản hồi từ cựu học sinh — tốt nhất là từ phụ huynh Việt đã có con học ở đó.

Cuối cùng, nếu con đã học xong lớp 10 và mục tiêu chính của gia đình là tấm bằng đại học Mỹ với chi phí hợp lý, hãy biết đến chương trình **2+2 High School Completion** tại bang Washington: học sinh đủ 16 tuổi vào thẳng cao đẳng cộng đồng, học 2 năm nhận cùng lúc bằng tốt nghiệp trung học Mỹ và bằng cao đẳng (AA hoặc AS), rồi chuyển tiếp vào năm 3 đại học — thường không cần SAT/ACT. Hơn một chục trường cao đẳng ở Washington (Green River, Shoreline, Edmonds…) tuyển theo mô hình này. Đây không

phải trải nghiệm trung học Mỹ trọn vẹn — không ký túc xá, không đội tuyển — nhưng tiết kiệm đáng kể thời gian lẫn chi phí, rất đáng cân nhắc với gia đình đặt hiệu quả lên hàng đầu.

> Bạn không cần tự lọc 300 trường một cách thủ công. Công cụ chọn trường của DHTC tại **duhocthanhcong.vn/tim-truong-phu-hop/** có nhánh riêng cho bậc THPT: trả lời 4 câu hỏi về hồ sơ và ngân sách của gia đình, công cụ sẽ gợi ý tối đa 20 trường phù hợp từ danh mục ~310 trường THPT Mỹ — mỗi hồ sơ trường đều ghi rõ tỷ lệ nội trú và chi phí.

CHƯƠNG 4

Hồ sơ ứng tuyển nội trú từ A đến Z

Nộp hồ sơ vào trường nội trú Mỹ không phải việc của riêng con bạn. Trường đang quyết định có nhận chăm lo một học sinh 14–16 tuổi thay gia đình bạn hay không, nên họ đánh giá cả gia đình: hồ sơ có phần dành riêng cho phụ huynh, vài giấy tờ chỉ hợp lệ khi bạn ký. Chương này đi qua từng thành phần — của con, và của bạn.

Nên bắt đầu từ 12–18 tháng trước ngày nhập học — muốn con vào lớp 10, bắt đầu từ giữa lớp 8; các mốc hạn nộp, ngày báo kết quả và lịch cả mùa tuyển sinh đã có ở Chương 2. Chương này tập trung vào chính bộ hồ sơ.

Toàn cảnh bộ hồ sơ: 9 thành phần

Thành phần	Ai làm	Nội dung chính
Mẫu đơn đăng ký	Con + bạn	Trực tuyến qua SAO, Gateway hoặc website trường
Học bạ / bảng điểm	Trường của con	2–3 năm gần nhất, dịch công chứng
Transcript Release Form	Bạn ký	Cho phép các trường xem bảng điểm của con
Điểm thi chuẩn hóa	Con	SSAT + TOEFL / IELTS / Duolingo
Thư giới thiệu (2–3)	Giáo viên	Thường từ giáo viên Toán, tiếng Anh, cố vấn
Bài luận + câu hỏi ngắn	Con tự viết	Ký cam kết tự viết; gửi rồi không sửa được
Parent statement	Bạn	Câu hỏi về con và kỳ vọng của gia đình
Danh sách hoạt động	Con	Thời gian, số giờ/tuần, vai trò, giải thưởng
Phỏng vấn	Con	Trực tiếp hoặc video call

Về **mẫu đơn đăng ký**, có ba con đường. **SAO** (Standard Application Online) là mẫu đơn chung được hơn 400 trường tư thục Bắc Mỹ chấp nhận — điền một lần, nộp nhiều trường. **Gateway to Prep Schools** có 61 trường thành viên (tính đến tháng 8/2026): thông tin, bảng điểm, thư giới thiệu nhập một lần, nhưng mỗi trường ra bộ câu hỏi luận riêng. Một số trường chỉ nhận đơn qua website riêng: mỗi trường một tài khoản, một lượt gửi giấy tờ.

Từ trường con đang học, bạn cần học bạ hoặc bảng điểm 2–3 năm gần nhất — dịch công chứng sang tiếng Anh hoặc xin bản song ngữ — kèm chữ ký của bạn trên **Transcript Release Form**.

> **LƯU Ý**
>
> Thiếu chữ ký phụ huynh trên Transcript Release Form, hồ sơ bị tính là chưa hoàn thiện dù mọi phần khác đã xong. Phụ huynh cần lưu ý để hoàn thành form này.

Về điểm thi: hồ sơ gồm bài thi học thuật **SSAT** (một số trường nhận ISEE) và một chứng chỉ tiếng Anh — cấu trúc từng bài thi, lệ phí và mức điểm cần có theo nhóm trường: xem Chương 6.

Cuối cùng là **lệ phí xét tuyển**, khoảng $75–$200 mỗi trường (học sinh quốc tế thường ở mức cao của khoảng này) — nộp 6–10 trường cần dự trù khoảng $500–$2.000. Còn **danh sách hoạt động ngoại khóa** ghi thời gian, số giờ mỗi tuần, vai trò, giải thưởng từng hoạt động — bằng chứng con biết quản lý thời gian.

Parent statement: phần của chính bạn

Nhiều gia đình trả lời qua loa **parent statement** (bản câu hỏi dành cho phụ huynh). Đó là một sai lầm. Trường nội trú — nhất là trường chọn lọc cao — muốn biết con lớn lên trong gia đình như thế nào, bố mẹ quan tâm việc học của con đến đâu, kỳ vọng của gia đình có khớp với những gì trường mang lại không.

Những câu hỏi thường gặp — mỗi câu trả lời khoảng 200 từ, cụ thể và cô đọng:

- Hãy kể về con bạn — vì sao trường chúng tôi phù hợp với con?
- Con bạn có những sở trường và sở đoản gì?
- Bạn kỳ vọng con đạt được điều gì khi học tại đây?

Điều quan trọng nhất: hội đồng đọc parent statement sau bảng điểm, bài luận và buổi phỏng vấn con. Họ đối chiếu — bố mẹ mô tả con có khớp với học sinh họ vừa gặp không? Thổi phồng, hoặc không thực sự hiểu con, đều lộ ra ở bước này.

> **VÍ DỤ THỰC TẾ**
>
> Trong bài luận, con viết thẳng rằng mình không thích đọc sách; bố mẹ, muốn gây ấn tượng, lại mô tả con "rất ham đọc". Hội đồng đọc cả hai — mất đi là lòng tin vào toàn bộ hồ sơ.

Vì vậy hãy viết parent statement *cuối cùng*, sau khi đọc lại toàn bộ hồ sơ, kể cả bài luận của con — không đọc được tiếng Anh thì đề nghị con giải thích bằng tiếng Việt. Đọc câu hỏi rồi để qua một đêm hãy viết. Đừng ngại nói về điểm yếu: chia sẻ rằng con chật vật với môn Toán giúp trường có hướng hỗ trợ ngay từ đầu. Có thể viết bằng tiếng Việt rồi nhờ dịch; chân thật và nhất quán quan trọng hơn ngôn ngữ.

Thư giới thiệu: xin sớm và xin đúng người

Bộ hồ sơ cần **2–3 thư giới thiệu**, thường từ giáo viên Toán, giáo viên tiếng Anh và một người thứ ba — cố vấn học tập, hoặc với trường công Việt Nam là giáo viên chủ nhiệm.

Cách gửi: con nhập email của thầy cô vào hệ thống nộp đơn; hệ thống tự gửi mẫu thư để giáo viên hoàn thành trực tuyến (SAO cần mã kích hoạt, Gateway yêu cầu tạo tài khoản riêng). Thầy cô không viết được tiếng Anh thì viết tiếng Việt kèm bản dịch công chứng; một số trường nhận bản giấy scan.

Thư giới thiệu thường là phần yếu nhất của hồ sơ — không phải vì giáo viên viết xấu về học sinh, mà vì mỗi năm thầy cô viết hàng chục lá theo một khuôn na ná nhau — và hội đồng phân biệt được ngay thư "điền theo mẫu" với thư của người thực sự hiểu học sinh. Vì thế đừng chọn giáo viên môn con điểm cao nhất — hãy chọn người hiểu con nhất, và xin từ sớm để thầy cô có thời gian viết kỹ.

LƯU Ý

Email yêu cầu viết thư rất hay rơi vào mục Spam hoặc Quảng cáo. Nhập email xong, con nên hỏi ngay xem thầy cô đã nhận được chưa — nhiều hồ sơ "treo" chỉ vì một lá thư chưa gửi mà không ai biết.

Bài luận: viết đúng tuổi 14

Đề luận của trường nội trú không phải personal statement kiểu đại học. Đề dành cho học sinh 13–15 tuổi và hỏi đúng tầm tuổi ấy: con làm gì lúc rảnh, môn thể thao yêu thích, thế nào là thành công, một lần vượt qua thử thách. Nhiều trường thêm vài câu trả lời ngắn bên cạnh bài chính.

Trường đọc bài luận để tìm ba thứ: kỹ năng viết tiếng Anh thật của con; tính cách con trong đời sống hằng ngày, điều bảng điểm không nói được; và sự sẵn sàng — con có đủ độc lập để sống xa nhà ở tuổi 14–15 không.

Không ai kỳ vọng bài luận đạt trình độ người lớn — một bài chân thật, đúng giọng 14 tuổi thuyết phục hơn nhiều bài "già trước tuổi" khiến người đọc nghi có người lớn viết thay. Con sẽ ký cam kết điện tử rằng bài do chính mình viết. Những lỗi cần tránh: khoe tiếng Anh, nhắc lại điểm số, kể lại nguyên mục hoạt động ngoại khóa, và tệ nhất là bịa chuyện — hội đồng đọc hàng trăm hồ sơ mỗi mùa, nhận ra ngay khi câu chuyện đi quá xa sự thật.

Vai trò của bạn: không viết thay, không thuê viết thay — nhưng nên là người đọc góp ý, với một câu hỏi duy nhất: đứa trẻ trong bài có giống đứa trẻ nhà mình ngoài đời không? Và giục con bắt đầu sớm — thứ một bài luận tốt cần nhất là thời gian suy nghĩ.

DÀNH CHO HỌC SINH

Chưa biết đề vẫn bắt đầu được, vì đề nào cũng hỏi về chính BẠN. Thử viết tự do: điều gì khiến mình muốn học nội trú ở nước ngoài? Môn học, hoạt động mình thích nhất là gì? Bạn bè sẽ mô tả mình ra sao? — kho nguyên liệu cho mọi đề luận. Khi viết bài thật, hãy kể một câu chuyện có mở – thân – kết, thay vì liệt kê phẩm chất.

Trước khi bấm "Gửi"

Trước hạn nộp, cả nhà rà lại lần cuối:

- Transcript Release Form đã ký; bảng điểm đã đến đủ các trường.
- Đủ 2–3 thư giới thiệu đã gửi — hỏi từng thầy cô, đừng đoán.
- Bài luận, parent statement và danh sách hoạt động không mâu thuẫn nhau.
- Lệ phí đã trả — chưa nộp phí, hồ sơ chưa được xét.
- Sau khi bấm "Gửi", không sửa được nữa.

Còn lại phần mà giấy tờ không thay được — buổi phỏng vấn với đại diện trường: chúng tôi dành trọn Chương 5 cho nó.

Mỗi trường một bộ yêu cầu riêng, các cổng nộp đơn lại thay đổi thường xuyên. Vướng ở giấy tờ nào trong chương này, bạn có thể nhắn DHTC qua Zalo (https://zalo.me/6118622851365436 71) để được hướng dẫn theo danh sách trường của con.

CHƯƠNG 5

Phỏng vấn: nơi hồ sơ thành con người

Bảng điểm thể hiện năng lực học tập của học sinh. Bài luận cho thấy khả năng diễn đạt của học sinh. Nhưng chỉ qua **buổi phỏng vấn**, cán bộ tuyển sinh mới được gặp gỡ học sinh (trực tiếp/trực tuyến) — cách con lúng túng rồi tự tìm lại từ ngữ, cách ánh mắt con sáng lên khi nhắc đến điều mình yêu thích. Với một ngôi trường chuẩn bị nhận chăm sóc con bạn 24/7, phỏng vấn là lúc họ đánh giá xem con có phù hợp với môi trường của trường hay không — và ngược lại.

Ba hình thức phỏng vấn thường gặp

- **Tại trường** — thường xếp cùng chuyến tham quan, nếu gia đình có điều kiện sang thăm. Giàu thông tin nhất: con thấy ký túc xá, phòng ăn, học sinh thật thay vì ảnh trên website.
- **Online (Zoom)** — phổ biến nhất với học sinh Việt Nam. Lưu ý múi giờ: giờ làm việc ở Mỹ rơi vào buổi tối hoặc sáng sớm giờ Việt Nam.
- **Qua bên thứ ba** — một số trường nhận video phỏng vấn ghi hình qua dịch vụ độc lập (Vericant, InitialView), hoặc ủy quyền cho cựu học sinh, đại diện khu vực gặp học sinh tại Việt Nam. Hình thức khác nhau, tiêu chí đánh giá về cơ bản giống nhau.

Trường thực sự đánh giá điều gì ở một đứa trẻ 14–16 tuổi?

Không phải sự hoàn hảo — họ biết mình đang nói chuyện với một thiếu niên dùng tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai. Điều họ tìm là: **sự tò mò** (con có hỏi lại không, hay chỉ ngồi chờ câu hỏi tiếp theo?); **tính chủ động** (trường muốn học sinh hiểu rõ quyết định của mình và có trách nhiệm với nó — vì chính các em, chứ không phải bố mẹ, sẽ sống ở đó); và **mức độ thoải mái với tiếng Anh** — đủ để theo lớp, kết bạn, nhờ giúp đỡ. Ngập ngừng tìm từ không sao; im lặng hoàn toàn mới là vấn đề. Phỏng vấn không cứu được học bạ yếu, nhưng thường quyết định giữa hai hồ sơ ngang nhau.

Những sai lầm lớn nhất — và cách sửa

Sai lầm lớn nhất không phải là trả lời kém, mà là coi phỏng vấn như buổi **hỏi đáp một chiều**: đa số học sinh dành toàn bộ thời gian chuẩn bị câu trả lời — và không chuẩn bị một câu hỏi nào của riêng mình. Buổi phỏng vấn chỉ có một bên hỏi sẽ giống cuộc thẩm vấn hơn cuộc trò chuyện.

Sai lầm	Trường đọc ra điều gì	Cách sửa
Không có câu hỏi nào cho trường	Em không thực sự quan tâm	Chuẩn bị 3–5 câu hỏi về điều *không* có trên website
Hỏi điều có sẵn trên website	Em chưa tìm hiểu về trường	Đọc kỹ website trước, hỏi sâu hơn một bậc
Trả lời thuộc lòng, chung chung	Câu trả lời do người lớn soạn	Kể chuyện cụ thể từ đời mình
Không nói được vì sao muốn đi du học	Quyết định của bố mẹ, không phải của em	Tự viết ra lý do của mình trước
Hồ sơ đẹp nhưng thái độ thờ ơ	Trường này không phù hợp với em	Thể hiện sự hào hứng thật, hỏi về đời sống

Sai lầm thứ tư chạm đến chính bạn. Trong nhiều gia đình, ý tưởng du học đến từ phụ huynh khi con chưa hình dung được chặng đường phía trước — và cán bộ tuyển sinh nhận ra điều đó trong năm phút. Trước khi luyện phỏng vấn, hãy để con tự trả lời được câu «Vì sao em muốn đi?» bằng lý do của chính con.

Vậy nên hỏi gì? Những câu tốt nhất xoay quanh đời sống thật mà website không tả được: cuối tuần học sinh làm gì, ký túc xá sinh hoạt ra sao, đồ ăn thế nào, trường có bao nhiêu học sinh Việt Nam. Một câu luôn gây ấn tượng: *«Điều gì khiến trường của thầy/cô khác biệt so với các trường tương tự?»*. Vài câu nhẹ nhàng cho chính người phỏng vấn — «Thầy/cô đã đến Việt Nam chưa?» — làm không khí thân thiện hẳn.

DÀNH CHO HỌC SINH

- Tập 2–3 buổi **phỏng vấn thử** bằng tiếng Anh với người em *không* thân — nói với người lạ khác hẳn nói với bố mẹ.
- Chuẩn bị 4–5 câu chuyện cụ thể từ đời mình: một môn học em thích và *vì sao*, một hoạt động em gắn bó, một lần thất bại và bài học, lý do em muốn đi du học. Chi tiết thật («em nuôi ba con gà và ghi chép cân nặng của chúng») luôn thắng từ ngữ đẹp («em là người trách nhiệm»).
- Viết sẵn 3 câu hỏi em thực sự muốn biết câu trả lời.
- Zoom: thử camera và micro từ hôm trước, phòng yên tĩnh, vào sớm 5 phút, nhìn vào camera khi nói.
- Đừng học thuộc từng câu chữ — người phỏng vấn thà nghe em ngập ngừng mà thật.

Khi chính bạn được phỏng vấn

Nhiều trường nội trú cũng muốn nghe từ phụ huynh — qua bản câu hỏi viết (**Parent Statement**, cách viết ở Chương 4) hoặc một buổi trò chuyện riêng, về mục tiêu học tập, tính cách, sở trường và cả điểm yếu của con. Buổi phỏng vấn của bạn không phải để «bán» con — trường đã có hồ sơ rồi. Nó để trường hiểu kỳ vọng của gia đình và xem trường có thể hỗ trợ con những gì — vì thế trung thực về điểm yếu của con không làm hại hồ sơ, mà giúp trường đón con đúng cách. Một điều cuối: nếu trường phỏng vấn hai mẹ

con cùng lúc, hãy để con nói. Phụ huynh trả lời thay con là tín hiệu xấu nhất một cán bộ tuyển sinh có thể nhận được.

> Câu hỏi hay bắt đầu từ việc hiểu trường. Trước mỗi buổi phỏng vấn, gia đình có thể tra hồ sơ trường trong danh mục ~310 trường THPT Mỹ của DHTC tại **duhocthanhcong.vn/truong-thpt/** — và dành thời gian phỏng vấn cho những điều chưa có ở đó.

CHƯƠNG 6

SSAT và tiếng Anh: thi gì, cần bao nhiêu

Hồ sơ THPT Mỹ liên quan đến hai loại bài thi khác nhau, và nhiều gia đình gộp chúng làm một. **SSAT** là bài thi học thuật — đo từ vựng, toán và đọc hiểu để so sánh con bạn với các ứng viên khác. Chứng chỉ tiếng Anh (TOEFL, IELTS, Duolingo) trả lời một câu hỏi khác hẳn: con có đủ tiếng Anh để ngồi học cả ngày bằng tiếng Anh không. Không phải trường nào cũng đòi cả hai — và điểm tiếng Anh chưa cao không đồng nghĩa cánh cửa đóng lại.

SSAT: bài thi học thuật của khối trường tư

SSAT (Secondary School Admission Test) là kỳ thi chuẩn hóa cho học sinh lớp 5–11 nộp hồ sơ vào trường trung học tư thục Mỹ. Ở lứa tuổi THPT, con bạn thi **Upper Level** (dành cho lớp 8–11, xét vào lớp 9–12); các em nhỏ hơn nhắm nội trú cấp 2 (junior boarding) thi Middle Level (lớp 5–7). Bài thi gồm: Verbal (từ vựng và lập luận, 60 câu / 30 phút), Quantitative (toán, hai phần 25 câu / tổng 60 phút), Reading (40 câu trên 7 đoạn văn / 40 phút), một phần Experimental không tính điểm, và bài **Writing Sample** 25 phút — không chấm điểm nhưng được gửi nguyên văn cho trường đọc, nên vẫn đáng viết nghiêm túc. Lệ phí thi ngoài Mỹ và Canada (trong đó có Việt Nam) khoảng $339 (tính đến tháng 8/2026).

Điều khiến phụ huynh bối rối nhất là **percentile** — thứ hạng phần trăm. SSAT so con bạn với những học sinh cùng khối lớp đã thi trong ba năm gần nhất — một nhóm gần như toàn học sinh khá giỏi đang nhắm trường tư. Vì vậy percentile 60 không phải "trên trung bình một chút" theo nghĩa lớp học ở Việt Nam mà là kết quả tốt trong một nhóm rất mạnh — và phòng tuyển sinh cũng đọc con số này theo cách đó. Đừng hoảng khi con quen đứng đầu lớp mà percentile chỉ 70.

Và một sự thật ít nơi nói thẳng: phần lớn trường THPT Mỹ nhận học sinh quốc tế **không bắt buộc SSAT**. Nhóm bắt buộc chủ yếu là các trường nội trú cạnh tranh cao. Một nhóm khác ghi "recommended" — nên nộp nếu điểm đẹp, bỏ qua được nếu không. Nhiều trường còn lại xét bằng học bạ, phỏng vấn và bài kiểm tra riêng. Vì vậy hãy chọn nhóm trường trước, rồi mới quyết có cần luyện SSAT hay không — đừng làm ngược lại.

Chứng chỉ tiếng Anh: bốn lựa chọn

Với hồ sơ THPT, bốn bài thi thường gặp nhất là **TOEFL iBT**, **TOEFL Junior**, **IELTS Academic** và **Duolingo English Test** (DET). Từ tháng 1/2026, TOEFL iBT áp dụng cấu trúc mới ngắn hơn và thang điểm mới. TOEFL và IELTS có giá trị 2 năm; kết quả TOEFL iBT có sau khoảng 3 ngày, IELTS thi máy khoảng 2–5 ngày (thi giấy 13 ngày), còn DET chỉ 48 giờ.

Bài thi	Hình thức	Thời gian	Thang điểm	Lệ phí
TOEFL iBT	Máy tính, tại trung tâm	~1 giờ 30 phút	1–6 (báo song song với thang 0–120 cũ đến khoảng năm 2028)	khoảng $200 (tính đến tháng 8/2026)
TOEFL Junior	Trên giấy	~2 giờ	600–900	liên hệ IIG Việt Nam
IELTS Academic	Giấy hoặc máy tính	~2 giờ 45 phút	0–9	khoảng 4,7 triệu đồng (4.664.000 ₫, áp dụng đến hết năm 2026)
Duolingo English Test	Online tại nhà	~1 giờ	10–160	khoảng $70 (tính đến tháng 8/2026)

Vài điểm đáng cân nhắc theo tuổi. **TOEFL Junior** thiết kế cho lứa THCS (126 câu trên giấy: nghe, ngữ pháp – từ vựng, đọc) — nhiều trường trung học Mỹ chấp nhận cho ứng viên lớp nhỏ, và với em 13–14 tuổi đây là trải nghiệm thi nhẹ nhàng hơn iBT. **DET** thi tại nhà bằng laptop có webcam, AI giám sát, cho thi lại 3 lần trong 30 ngày — nhưng quy tắc phòng thi rất chặt: có người vào phòng hay đeo tai nghe là bài bị hủy, không hoàn tiền. **IELTS** có phần Nói phỏng vấn trực tiếp với giám khảo — hợp với em mạnh giao tiếp; TOEFL nói vào microphone — dễ chịu hơn với em hướng nội.

> **MẸO**
>
> Chưa biết con đang ở đâu? Cho con thi DET trước như bài đo đầu vào: khoảng $70, kết quả sau 48 giờ. Đạt và trường mục tiêu nhận DET thì dùng luôn; chưa đạt thì gia đình biết cần luyện thêm bao lâu trước khi bỏ tiền vào TOEFL hay IELTS.

Cần bao nhiêu điểm?

Mỗi trường công bố yêu cầu riêng và con số thay đổi theo năm, nên bảng dưới đây chỉ là **khoảng tham khảo** để gia đình định vị, không phải chuẩn cứng:

Nhóm trường	TOEFL iBT	IELTS	DET	SSAT
Nội trú cạnh tranh cao	95–105+	7.0+	120+	percentile ~75+, thường bắt buộc
Phần lớn trường tốt	70–90	5.5–6.5	100–115	ít khi bắt buộc
Trường có chương trình ESL	40–60, hoặc miễn	4.5–5.0	dưới 95, hoặc bài kiểm tra riêng	không yêu cầu

Lưu ý: từ tháng 1/2026, TOEFL iBT chuyển sang thang điểm mới 1–6 (điểm báo song song với thang 0–120 cũ đến khoảng năm 2028). Các mốc TOEFL trong bảng tính theo thang 0–120; quy đổi gần đúng: 95–105 ≈ band 4,5–5,0; 70–90 ≈ band 3,5–4,5.

LƯU Ý

Kiểm tra trang tuyển sinh từng trường trước khi đăng ký thi: một số trường đặt điểm tối thiểu cho từng kỹ năng (đặc biệt Nói và Viết), một số chỉ nhận DET kèm một bài thi khác, và chính sách nhận DET thay đổi nhanh hơn TOEFL/IELTS.

Điểm tiếng Anh thấp không phải ngõ cụt: chương trình ESL

Đây là chỗ nhiều gia đình bỏ cuộc quá sớm. Nếu con bạn học tốt nhưng tiếng Anh chưa theo kịp, câu trả lời không nhất thiết là hoãn một năm để luyện thi ở nhà. Rất nhiều trường THPT Mỹ — trong đó có nhiều trường thuộc danh mục DHTC — vận hành chương trình **ESL** (English as a Second Language): học sinh vào học đúng khối lớp, học các môn chính khóa bình thường, kèm lớp tiếng Anh học thuật riêng cho đến khi đủ sức học hoàn toàn cùng bạn bản xứ — thường sau một đến hai năm. Với các trường này, ngưỡng tiếng Anh đầu vào thấp hơn hẳn, thậm chí thay chứng chỉ bằng bài kiểm tra xếp lớp và phỏng vấn của trường. Một số trường tính thêm phí ESL — hãy hỏi rõ khi xin thông tin.

Nói cách khác, chọn trường có ESL là một *chiến lược*, không phải phương án vớt. Môi trường nội trú hoặc homestay khiến tiếng Anh của con tăng nhanh hơn bất kỳ trung tâm luyện thi nào — vì con dùng nó để sống, không chỉ để thi. Và tỉnh táo cả hai chiều: đừng vì con có IELTS 7.0 mà chỉ nộp trường top, cũng đừng vì con mới 4.5 mà kết luận "chưa đi được".

DÀNH CHO HỌC SINH

Ba việc đáng làm mà không tốn tiền: viết Writing Sample của SSAT nghiêm túc dù không chấm điểm — người đọc chính là trường em muốn vào; tập nói trước webcam nếu thi TOEFL hoặc DET, tập trả lời trực tiếp nếu thi IELTS; và làm bài thi thử bấm giờ vài lần — điểm tăng nhờ quen format nhiều hơn em nghĩ.

Với mức tiếng Anh hiện tại của con, trường nào đang mở cửa? Công cụ chọn trường của DHTC tại **duhocthanhcong.vn/tim-truong-phu-hop/** có nhánh riêng cho bậc THPT: trả lời 4 câu hỏi về hồ sơ và ngân sách, bạn nhận tối đa 20 trường phù hợp — gồm cả các trường có chương trình ESL.

CHƯƠNG 7

Chi phí thật của trung học Mỹ

Con số đầu tiên bạn gặp khi tìm hiểu trường Mỹ cho con thường là học phí niêm yết trên website trường. Nhưng đó hiếm khi là số tiền gia đình thực chi mỗi năm. Chương này tách bạch từng lớp chi phí bằng số liệu thực từ danh mục trường của DHTC, để bạn lập được một ngân sách không bị động giữa chừng.

Học phí và tổng chi phí: hai con số khác nhau

Học phí (tuition) là khoản trường thu cho việc giảng dạy. **Tổng chi phí học tập (cost of attendance)** mới là con số gia đình cần lập ngân sách: học phí cộng ăn ở, đi lại, bảo hiểm và chi tiêu cá nhân. Học sinh quốc tế học dài hạn gần như chỉ có con đường trường tư thục, và trường tư về nguyên tắc thu học phí học sinh quốc tế bằng học sinh Mỹ.

Một điểm dễ gây nhầm khi so sánh trường nội trú: phần lớn trường gộp học phí và ăn ở ký túc xá thành một khoản trọn gói duy nhất (boarding tuition), nhưng một số trường tách riêng hai khoản. Khi đặt hai trường cạnh nhau, hãy chắc chắn con số bạn so đã cùng bao gồm ăn ở hay chưa.

Và khác với bậc đại học, đừng đưa chuyện "con đi làm thêm để phụ chi phí" vào bài toán: học sinh trung học diện F-1 gần như không có cửa làm thêm hợp pháp.

Con số thực tế (dữ liệu danh mục DHTC, giữa 2026)

Trong danh mục ~310 trường THPT Mỹ của DHTC, có 269 trường nội trú công bố chi phí. Bức tranh như sau:

- **Mức giữa (trung vị): khoảng $75.700/năm** trọn gói học phí cộng ăn ở — khoảng 2 tỷ đồng (ước tính ~26.000đ/USD).
- **Phần lớn trường nằm trong khoảng $62.500–$82.500/năm.** Đây là mặt bằng chung.
- **Biên độ thực tế rất rộng: từ khoảng $14.000 tới khoảng $110.000/năm.** Đầu thấp chủ yếu là các trường nội trú nhỏ có nền tảng tôn giáo; đầu cao là các trường danh giá nhất.

Có một con đường ngân sách ít công ty tư vấn nói với bạn: **trường bán trú (day school) kết hợp homestay** — mô hình đã giải thích ở Chương 1. Với nhóm day school cộng homestay trong danh mục DHTC (mẫu nhỏ hơn), tổng chi phí kể cả homestay thường rơi vào khoảng **$16.000–$50.000/năm**. Chất lượng học thuật không tự động thấp hơn; khác biệt lớn nằm ở môi trường sống — hợp với em này, không hợp với em khác.

Giá niêm yết đã gồm gì — và chưa gồm gì

Con số trọn gói của trường nội trú thường đã bao gồm giảng dạy, phòng ở ký túc xá, các bữa ăn và phần lớn hoạt động trong khuôn viên. Những khoản sau thì chưa:

Khoản chi	Ước tính mỗi năm	Ghi chú
Vé máy bay khứ hồi Việt Nam – Mỹ	$1.500–$4.000	Thường 1–2 lượt về mỗi năm (hè, Tết/Giáng sinh)
Bảo hiểm y tế	$1.500–$2.500	Một số trường đã gộp trong phí — kiểm tra kỹ
Tiền tiêu vặt	$2.000–$4.000	Khoảng $200–$400/tháng trong năm học
Phí giám hộ (guardianship)	$1.000–$3.000	Nhiều trường/bang yêu cầu người giám hộ tại Mỹ cho học sinh vị thành niên, nhất là diện homestay
Sách vở, đồng phục, dã ngoại	$1.000–$3.000	Tùy trường và hoạt động

Một số trường còn thu phụ phí học sinh quốc tế hoặc phí hỗ trợ tiếng Anh (ESL), khoảng $2.000–$8.000/năm. Cộng lại, nên dự phòng ngoài giá niêm yết khoảng **$6.000–$15.000/năm**. Giai đoạn nộp hồ sơ còn có các khoản một lần: lệ phí xét tuyển từng trường (xem Chương 4), phí thi chuẩn hóa (xem Chương 6), phí SEVIS và lệ phí visa (xem Chương 8).

Học bổng và hỗ trợ tài chính: hãy thực tế

Ở bậc đại học Mỹ, học bổng cho học sinh quốc tế là chuyện phổ biến. Ở bậc trung học thì không — đây là điểm bạn cần tỉnh táo nhất khi nghe tư vấn. Hai khái niệm hay bị dùng lẫn:

- **Học bổng thành tích (merit-based scholarship)**: cấp dựa trên hồ sơ của con — điểm GPA, bài thi chuẩn hóa, tiếng Anh, ngoại khóa, bài luận, phỏng vấn. Ở trường nội trú, khi có, mức phổ biến là $10.000–$30.000/năm — đáng kể, nhưng hiếm khi đủ trang trải phần lớn chi phí.
- **Hỗ trợ tài chính (need-based financial aid)**: cấp dựa trên khả năng tài chính của gia đình; hồ sơ đòi hỏi giấy tờ chứng minh thu nhập, tiết kiệm của bố mẹ theo mẫu riêng từng trường, nộp trước hạn vì quỹ có hạn mức. Quỹ này chủ yếu dành cho học sinh Mỹ; phần cho học sinh quốc tế rất hạn chế.

Thực tế: chỉ khoảng 5–15% học sinh quốc tế nhận được hỗ trợ dưới bất kỳ hình thức nào; học bổng toàn phần cực hiếm. Quan trọng hơn, khoản hỗ trợ thường được xét lại từng năm chứ không cam kết cho cả lộ trình. Vì vậy lời khuyên nhất quán của DHTC: **đừng lập ngân sách dựa trên học bổng**. Hãy lập kế hoạch đủ sức chi trả toàn bộ; nếu con giành được học bổng, đó là phần thưởng, không phải cột trụ của kế hoạch.

> **DÀNH CHO HỌC SINH**
>
> Học bổng thành tích là khoản duy nhất trong chương này em trực tiếp tác động được: GPA, SSAT, TOEFL/IELTS, bài luận, ngoại khóa, phỏng vấn — tất cả cần 1–2 năm chuẩn bị. Một hồ sơ mạnh hơn có thể đáng giá $10.000–$30.000 mỗi năm cho bố mẹ.

CẢNH BÁO

Năm dấu hiệu cần dừng lại ngay khi một công ty tư vấn báo giá "trọn gói" thấp bất thường:

1. Giá trọn gói thấp hơn cả học phí niêm yết trên website chính thức của trường — không ai "đàm phán" được dưới giá công bố cho học sinh quốc tế.
2. Chỉ đưa một con số duy nhất, không tách bạch học phí, ăn ở, bảo hiểm và phí dịch vụ của công ty.
3. Hứa "học bổng đảm bảo 50–70%" trước khi trường nhận được hồ sơ của con.
4. Ngăn gia đình liên hệ trực tiếp với phòng tuyển sinh của trường — mọi thứ buộc phải "qua công ty".
5. Yêu cầu đóng khoản tiền lớn không hoàn lại trước khi có thư nhận học và I-20 chính thức từ trường.

DHTC công bố bản đầy đủ — bộ lọc 10 điểm thẩm định một lời chào giá du học — trên website của mình.

Muốn biết ngân sách của gia đình "với" được những trường nào? Mỗi hồ sơ trường trong danh mục ~310 trường THPT Mỹ của DHTC tại **duhocthanhcong.vn/truong-thpt/** đều ghi rõ chi phí công bố và tỷ lệ nội trú — đủ để bạn tự dựng một danh sách vừa túi tiền trước khi nói chuyện với bất kỳ ai.

LƯU Ý

Đừng lập ngân sách cho một năm — hãy mô hình hóa cả lộ trình. Nội trú là bài toán 3–4 năm: ở mặt bằng chung $62.500–$82.500/năm, ba năm lớp 10–12 là khoảng $190.000–$250.000, bốn năm là $250.000–$330.000 (khoảng 6,5–8,6 tỷ đồng), chưa kể các khoản ngoài niêm yết. Và trung học chỉ là chặng đầu: bốn năm đại học Mỹ tiếp theo thường tốn tương đương hoặc hơn. Hãy tính đủ chân trời 7–8 năm trước khi nộp hồ sơ. Nếu tổng số đó khiến tài chính gia đình căng thẳng, con đường day school cộng homestay ($16.000–$50.000/năm) không phải là "kém sang" — đó là cách giữ cho kế hoạch của con đi được đến đích.

CHƯƠNG 8

Visa F-1 cho học sinh dưới 18 tuổi

Học THPT tại Mỹ dùng đúng loại visa của sinh viên đại học: **F-1**. Khác biệt là đương đơn mới 14–16 tuổi — vai trò của bố mẹ lớn hơn nhiều, từ tờ khai đến hồ sơ tài chính — nhưng người đứng trước ô kính phỏng vấn vẫn là con bạn.

I-20, SEVIS và các khoản phí

F-1 là thị thực không định cư cho người học toàn thời gian tại một trường Mỹ được chứng nhận tiếp nhận học sinh quốc tế — trung học lẫn đại học. Điểm khởi đầu là **mẫu I-20** do trường cấp sau khi nhận con bạn: giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập học, ghi rõ chương trình, ngày nhập học và mức tài chính cần chứng minh cho một năm. Chưa có I-20 thì chưa có gì để nộp.

SEVIS là hệ thống của Bộ An ninh Nội địa Mỹ theo dõi mọi du học sinh — nhập học, chuyển trường, kết thúc chương trình đều được trường báo cáo vào đây. Sau khi nhận I-20, gia đình đóng phí SEVIS I-901 ($350, diện F-1) tại www.fmjfee.com trước buổi phỏng vấn và in biên lai; lệ phí visa $185 đóng khi đặt lịch hẹn. Tin tốt: số SEVIS ID đi theo con bạn — hết lớp 12 lên đại học Mỹ không phải đóng lại, miễn là giữ tình trạng hợp lệ và không rời Mỹ quá 5 tháng liên tục.

Giấy tờ bắt buộc ngày phỏng vấn: hộ chiếu của con còn hạn ít nhất 6 tháng sau ngày dự định nhập cảnh; I-20 bản gốc đã ký; trang xác nhận DS-160 và thư hẹn; hai biên lai phí; 1–2 ảnh 5×5 cm nền trắng chụp trong 6 tháng. Kèm giấy tờ bổ trợ: học bạ 3–4 năm gần nhất, chứng chỉ tiếng Anh, hồ sơ tài chính của bố mẹ. Viên chức hiếm khi xem giấy tờ bổ trợ — nhưng bị hỏi mà không có là lý do từ chối ngay.

Vai trò của bố mẹ: DS-160 và bài toán tài chính nhiều năm

Đơn xin visa điện tử **DS-160** đứng tên con bạn. Với đương đơn nhỏ tuổi, bố mẹ thường là người điền và khai mình ở mục "người chuẩn bị đơn". Nhưng mọi thông tin trong đó là lời khai của con: con phải biết đơn viết gì, vì viên chức sẽ đối chiếu với câu trả lời phỏng vấn — thông tin không khớp là lý do nghi ngờ kinh điển.

I-20 chỉ ghi chi phí một năm, nhưng viên chức nhìn xa hơn: chương trình THPT kéo dài 3–4 năm, phần lớn ở mức $62.500–$82.500/năm với trường nội trú (xem Chương 7), rồi gần như chắc chắn 4 năm đại học nữa. Họ muốn thấy nguồn thu nhập thật, ổn định, đủ nuôi cả lộ trình — không phải sổ tiết kiệm vừa được "bơm" tiền tháng trước. Ba con số phải khớp nhau: mức khai với trường trên I-20, sao kê ngân hàng, giấy tờ thu nhập và thuế. Người chi trả nên là bố mẹ ruột tại Việt Nam; để cô chú ở Mỹ "bảo lãnh" làm tăng nghi ngờ về ý định định cư.

> **LƯU Ý**
>
> DS-160 nay yêu cầu khai tên tài khoản mạng xã hội đã dùng trong 5 năm; tính đến tháng 8/2026, đương đơn diện F, M, J còn phải chuyển tài khoản sang chế độ công khai để thẩm tra. Với học sinh tuổi TikTok, đây là việc của cả nhà: ít nhất 6 tháng trước khi nộp, cùng con rà lại tài khoản, xóa nội dung nhạy cảm. Khai thiếu — kể cả tài khoản đã xóa — bị coi là không trung thực.

Buổi phỏng vấn của một học sinh 15 tuổi diễn ra thế nào

Phỏng vấn diễn ra tại Tổng Lãnh sự quán Mỹ ở TP.HCM hoặc Đại sứ quán ở Hà Nội, thường chỉ 2–5 phút. Trước đây trẻ dưới 14 tuổi thường được miễn phỏng vấn; theo cập nhật chính sách từ 2/9/2025, về nguyên tắc mọi đương đơn — kể cả dưới 14 tuổi — đều phỏng vấn trực tiếp. Học sinh vị thành niên thường được bố hoặc mẹ đi cùng; hãy kiểm tra hướng dẫn trên trang xác nhận lịch hẹn, vì quy định tiếp đón người chưa đủ tuổi có thể thay đổi.

Viên chức vẫn cần trả lời ba câu hỏi ngầm — có thật đi học không, gia đình đủ tiền không, có quay về Việt Nam không — nhưng với học sinh 14–16 tuổi, câu hỏi "đúng tuổi" hơn: Vì sao em muốn học trung học ở Mỹ? Trường ở bang nào? Em sẽ ở ký túc xá hay với gia đình bản xứ? Ai trả tiền học? Bố mẹ em làm nghề gì? Con không cần thuộc số liệu thuế, nhưng phải nói được bố mẹ làm gì và biết đại khái chi phí một năm — ấp úng ở câu "ai trả tiền" là dấu hiệu xấu. Phần tài chính chi tiết, viên chức đánh giá qua hồ sơ, và có thể hỏi thêm phụ huynh nếu có mặt.

Hai lỗi khiến học sinh nhỏ tuổi trượt nhiều nhất: trả lời như đọc kịch bản người lớn soạn sẵn — viên chức nhận ra ngay — và "đứng hình" khi bị chuyển sang tiếng Anh; câu trả lời chậm, có lỗi nhỏ nhưng tự nhiên thắng đoạn văn thuộc lòng. Tuyệt đối trung thực về người thân ở Mỹ: có không phải lý do bị loại, nói dối thì có. Và đừng để con nói "chọn trường vì gần nhà cô chú cho tiện" — với viên chức, câu đó nghe giống định cư hơn du học.

> **DÀNH CHO HỌC SINH**
>
> Người đứng trước ô kính là em, không phải bố mẹ. Hãy tự trả lời được, bằng tiếng Anh, năm điều: tên trường và bang; lớp em sẽ vào; em sẽ ở đâu (nội trú hay homestay); vì sao chọn trường này — một lý do thật của em, không phải "vì giáo dục Mỹ tốt nhất"; và kế hoạch sau lớp 12: vào đại học, rồi về Việt Nam. Luyện nói thành tiếng ít nhất 2 tuần trước ngày hẹn; nghe không rõ cứ hỏi "Could you please repeat?". Mặc đồng phục trường đang học là một lựa chọn tốt.

Hai quy định 2025–2026 cần tính vào kế hoạch

Các điểm sau chính xác tính đến tháng 8/2026 — chính sách đang thay đổi nhanh, trước khi nộp hãy kiểm tra lại tại travel.state.gov và website Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Việt Nam.

1. Gia hạn visa phải phỏng vấn trực tiếp (từ 2/9/2025)

Visa F-1 cấp cho công dân Việt Nam thường chỉ có hiệu lực 12 tháng, trong khi chương trình THPT kéo dài 3–4 năm. Con bạn vẫn ở Mỹ hợp pháp khi visa hết hạn — visa chỉ là "vé vào cửa", tình trạng hợp pháp nằm ở I-20 và SEVIS — nhưng về Việt Nam nghỉ hè xong, muốn quay lại Mỹ là cần visa còn hạn. Gia hạn qua bưu điện (dropbox) đã chấm dứt: nay phải đặt lịch, phỏng vấn trực tiếp như xin lần đầu — kế hoạch nghỉ hè phải chừa đủ thời gian đặt hẹn, phỏng vấn, chờ trả hộ chiếu. Bằng chứng quan trọng nhất khi gia hạn là bảng điểm các học kỳ đã học tại Mỹ.

2. Lưu trú tối đa 4 năm (dự kiến hiệu lực 15/9/2026)

Bộ An ninh Nội địa Mỹ đã công bố quy định xóa bỏ cơ chế "duration of status": thời hạn lưu trú cấp theo độ dài chương trình, tối đa 4 năm. Học sinh vào lớp 9 có chương trình 4 năm vừa khít mốc này; học lại một lớp hay lộ trình 5 năm (vào từ lớp 8) sẽ phải nộp đơn gia hạn I-539 lên USCIS — kèm lăn tay, kiểm

tra lý lịch — nên chuẩn bị trước 3–6 tháng. Việc hết lớp 12 chuyển lên đại học Mỹ, trước đây chỉ là chuyển hồ sơ SEVIS, có thể cần thêm thủ tục liên bang — hỏi văn phòng học sinh quốc tế của trường từ đầu năm lớp 12. Tính đến tháng 8/2026, quy định chưa có hiệu lực và đang bị kiện đề nghị tạm hoãn — theo dõi tại studyinthestates.dhs.gov. Bài học cho gia đình: chọn đúng lớp vào ngay từ đầu và giữ lộ trình đúng hạn.

> Quy định visa cho học sinh vị thành niên nhiều chi tiết và thay đổi theo từng năm. Nếu muốn kiểm tra hồ sơ tài chính trước khi nộp, hoặc cho con luyện phỏng vấn thử 1-1 với chuyên gia, nhắn Zalo cho DHTC: https://zalo.me/611862285136543671

CHƯƠNG 9

Cuộc sống nội trú — và vai trò của cha mẹ ở xa

Phần khó nhất của du học THPT không phải hồ sơ — mà là những năm một đứa trẻ 14–16 tuổi trưởng thành xa nhà, còn bạn làm cha mẹ qua màn hình điện thoại. Chương này là bản đồ của giai đoạn đó.

5 giai đoạn tâm lý con sẽ đi qua

Hầu như mọi du học sinh đều đi qua một **đường cong thích nghi** — biết trước, bạn sẽ đọc đúng những cuộc gọi của con.

Giai đoạn	Kéo dài	Bạn thấy gì qua điện thoại
Phấn khích	1 tuần – 1 tháng	Hào hứng kể mọi thứ: trường đẹp, bạn mới, đồ ăn lạ.
Tỉnh ngộ	3 – 6 tháng	Tủi thân, nhớ nhà; ngôn ngữ, khẩu vị, bài vở dồn về cùng lúc.
Phục hồi	6 tháng – 1 năm	Tiếng Anh khá lên, có nhóm bạn, lấy lại hứng thú học.
Hòa nhập	Quãng còn lại	Ổn định, gắn bó; tự xử lý được khủng hoảng nhỏ.
Sốc ngược khi về nước	Sau tốt nghiệp	Về nhà thấy vừa gần gũi vừa lạ lẫm.

Điều quan trọng nhất: **cuộc gọi đầy nước mắt ở tuần thứ sáu là đúng lịch trình, không phải tín hiệu cấp cứu**. Đừng hốt hoảng đặt vé bay sang hay hứa "hết kỳ này thì về"; hãy lắng nghe, nói cho con biết ai cũng qua đoạn này. Chỉ lo thật sự khi tín hiệu xấu kéo dài nhiều tuần và tăng dần: bỏ ăn, thu mình, điểm rơi sâu.

Nơi con sống: ký túc xá hay homestay

Phòng ký túc gần như chắc chắn nhỏ hơn phòng riêng của con ở nhà. Bốn nguyên tắc "sống khỏe": tâm thế chủ động đón bất ngờ; biến phòng thành của mình bằng ga giường hợp sở thích, vài tấm ảnh gia đình; đồ cá nhân có chỗ riêng, kín đáo; tham gia hoạt động chung của khu nội trú.

Còn bạn cùng phòng? Một học sinh lớp 10 ở Colorado từng cầu cứu chúng tôi: bạn cùng phòng không chịu tắm sau giờ thể thao, cả phòng nặng mùi. Em xin đổi phòng — trường từ chối, khuyên em nói chuyện thẳng với bạn trước. Không phải vô tâm: **trường Mỹ chủ ý để học sinh tự thương lượng, chỉ can thiệp khi không thể hòa giải**. Cha mẹ nên theo tinh thần ấy — nghe con kể, gợi ý cách nói, đừng đòi đổi phòng hộ con.

> **DÀNH CHO HỌC SINH**
>
> Có chuyện khó nói với bạn cùng phòng? Chọn lúc vui vẻ, nói thẳng nhưng tế nhị, cho bạn thời gian đổi thói quen — tự giải quyết được, em thường giữ được cả tình bạn.

Hai mô hình chỗ ở — **nội trú** và **homestay** — vận hành ra sao đã có ở Chương 1; ở đây chỉ nói về đời sống. Ký túc xá cho con môi trường bạn bè 24/7, giờ giấc có giáo viên sống cùng khu giám sát; homestay cho con đời sống gia đình Mỹ thật, chi phí thường thấp hơn (xem Chương 7), đổi lại phụ thuộc "duyên" với gia đình cụ thể. Ở nhờ người thân (nếu có) tiết kiệm chi phí, nhưng theo các em đi trước: tiếng Anh chậm tiến bộ, tâm lý "ở nhờ", ít bạn hơn hẳn.

Năm nỗi lo kinh điển — trả lời thẳng

1. **Tiền có đủ không?** Phải giải trước khi con bay: ngân sách đủ trọn số năm học, gồm cả khoản ngoài học phí. Đừng trông vào việc con "làm thêm" — visa du học THPT không cho phép đi làm.
2. **Con gặp khó thì ai đỡ?** Con phải tự xoay xở phần lớn — nhưng trường nội trú có người lớn trông nom: giáo viên quản nhiệm sống cùng khu, cố vấn học tập, phòng y tế. Con không một mình.
3. **Bố mẹ có chịu nổi cảnh xa con?** Chuẩn bị tinh thần cho việc con không về Tết, và con sẽ thay đổi cách nghĩ, cách sống — dấu hiệu con đang lớn, không phải "mất gốc".
4. **Con có sa ngã không?** Đứa trẻ được dạy tự lập, hiểu giá trị đồng tiền từ ở nhà sẽ vững hơn mọi lời dặn qua điện thoại. Nội quy chặt của trường là hàng rào thêm.
5. **Con có an toàn không?** Trường quản học sinh vị thành niên nghiêm ngặt vì trách nhiệm pháp lý của chính họ. Việc của bạn: bảo hiểm y tế đầy đủ, lưu số khẩn cấp, dạy con kỹ năng tự bảo vệ.

Hành lý, ăn uống và sức khỏe

- **Bất ly thân (xách tay):** hộ chiếu, I-20, biên lai phí SEVIS I-901 (in 1–2 bản giấy), hồ sơ sức khỏe – tiêm chủng, hồ sơ học tập bản gốc, số khẩn cấp hai đầu Việt – Mỹ.
- **Nên mang:** thuốc thông thường nguyên nhãn kèm đơn (*hỏi trước* trường cho tự giữ loại nào ở ký túc); ổ chuyển điện (Mỹ dùng 110V); ít mì gói, gia vị Việt; tiền mặt vừa đủ (trên 5.000 USD phải khai báo).
- **Đừng mang:** đồ ăn từ thịt kể cả khô bò, lạp xưởng (cấm nhập cảnh Mỹ); thuốc không nhãn; quá nhiều quần áo hay đồ điện gia dụng — mua tại Mỹ rẻ và an toàn hơn.
- **Ký gửi:** thường 2 kiện × 23 kg tùy hãng — cân trước, dán tên + địa chỉ trường lên vali.

Khẩu vị là cú sốc bị đánh giá thấp nhất: đồ nhà ăn trường nêm nếm khác hẳn cơm nhà, nước máy Mỹ cũng khác vị, có thể gây khó chịu bụng vài ngày đầu. Con sụt chút cân học kỳ đầu là phổ biến — đáng theo dõi, chưa đáng báo động. Dặn con ba thói quen: **không bỏ bữa**; **không ăn một mình** — bữa ăn cùng bạn là liều thuốc tinh thần rẻ nhất; nhớ nhà thì tìm quán Việt gần trường. Sụt cân kéo dài kèm chán nản là tín hiệu tâm lý — xem lại bản đồ 5 giai đoạn.

Nếu con không muốn đi — đừng ép

Chương 1 đã đặt điều kiện quan trọng nhất: chính con muốn đi. Nói thẳng thêm một lần, dù nghịch với "lợi ích" của một công ty du học: **học sinh bị ép đi du học thường thất bại**. Chúng tôi đã gặp nhiều em đi trong tâm thế bị bắt buộc — kết quả kém, có em phát sinh vấn đề tâm lý nghiêm trọng. Ở tuổi dậy thì, càng áp đặt con càng chống đối; so sánh với anh chị giỏi giang chỉ làm mọi thứ tệ hơn. Thay vì ép, cho con *trải nghiệm trước khi quyết*: dự hội thảo du học, hoặc đăng ký **trại hè tại trường nội trú Mỹ** — 3–4 tuần, đủ để con biết nội trú có hợp mình không. Rồi tôn trọng quyết định của con: muốn đi thì nhập học hoặc lùi một năm; không muốn thì ở lại Việt Nam học tốt cũng là kết cục tốt.

Làm cha mẹ từ khoảng cách 13.000 km

- **Nhịp liên lạc đều, không dày.** Một cuộc video cố định hằng tuần cộng nhắn tin giữa tuần tốt hơn gọi mỗi ngày — gọi quá dày trong giai đoạn tỉnh ngộ dễ níu con ở "múi giờ Việt Nam".
- **Để con vật lộn một cách có ích.** Con kể một rắc rối? Hỏi "con định xử lý thế nào?" trước khi đưa giải pháp. Mỗi vấn đề con tự giải quyết là một bậc trưởng thành.
- **Biết khi nào gọi cho trường.** Ngay tuần đầu, xin danh sách đầu mối: cố vấn, giáo viên quản nhiệm ký túc, người phụ trách học sinh quốc tế. Liên hệ khi tín hiệu xấu kéo dài nhiều tuần hoặc có vấn đề sức khỏe, an toàn — không phải sau một cuộc gọi buồn.

> Môi trường sống là một tiêu chí chọn trường thật sự — không phải chuyện tính sau. Công cụ chọn trường của DHTC tại **duhocthanhcong.vn/tim-truong-phu-hop/** (nhánh THPT riêng) hỏi 4 câu về hồ sơ và ngân sách rồi gợi ý tối đa 20 trường, kèm tỷ lệ nội trú của từng trường để gia đình hình dung trước đời sống của con.

CHƯƠNG 10

Ngoài Mỹ: Anh, Úc và New Zealand ở bậc trung học

Cuốn cẩm nang này viết về nước Mỹ, nhưng một quyết định lớn như để con rời nhà đi học ở tuổi 14–16 xứng đáng được đặt lên bàn cân đầy đủ. Ba điểm đến được gia đình Việt Nam cân nhắc nhiều nhất bên cạnh Mỹ là **Anh**, **Úc** và **New Zealand** — khác hẳn nhau về tuổi nhập học, bài kiểm tra, quy định giám hộ và cả lịch khai giảng. Chương này tóm tắt từng nước rồi so sánh trực tiếp, để gia đình bạn chọn vì hiểu rõ, không phải vì quen tên.

Anh: truyền thống nội trú lâu đời nhất, chuẩn bị sớm nhất

Trường nội trú Anh nhận học sinh ở ba mốc chính: **11 tuổi** (Year 7), **13 tuổi** (Year 9) và **16 tuổi** (Sixth Form — hai năm cuối, học A-level). Với gia đình Việt Nam, mốc 16 tuổi đáng chú ý nhất: con học xong lớp 10, sang học hai năm A-level, rồi vào thẳng cử nhân Anh — trong khi học sinh tốt nghiệp THPT trong nước thường phải qua một năm dự bị đại học.

Khác biệt lớn nhất của Anh là **thời gian chuẩn bị**: quá trình đăng ký lý tưởng bắt đầu từ hai năm trở lên trước ngày nhập học. Hồ sơ gồm học bạ, thư giới thiệu, bài luận và gần như luôn có **bài thi đầu vào** — kỳ thi tuyển sinh chung (CEE), các bài pre-test của hội đồng ISEB, hoặc kỳ thi 11+/13+ riêng của trường; với học sinh quốc tế, nhiều trường dùng bài thi **UKiset** làm vòng sàng lọc đầu. Sau đó là phỏng vấn hoặc ngày đánh giá tại trường.

Về giám hộ: học sinh quốc tế dưới 18 tuổi **bắt buộc có người giám hộ (guardian) cư trú tại Anh** — người thay mặt gia đình khi khẩn cấp và đón con các kỳ nghỉ ngắn khi khu nội trú đóng cửa. Không có người thân tại Anh, gia đình thuê dịch vụ giám hộ được kiểm định; tính khoản này (ước tính vài nghìn bảng mỗi năm) vào ngân sách.

> **MẸO**
>
> Muốn con vào Sixth Form tháng 9 năm 2028, hãy bắt đầu tìm trường từ 2026 — đăng ký, thi đầu vào và phỏng vấn thường diễn ra hơn một năm trước khai giảng.

Úc: hệ 12 năm khớp với Việt Nam, không cần IELTS đầu vào

Úc có hai lợi thế cấu trúc. Hệ phổ thông 12 năm tương ứng với Việt Nam: con chuyển thẳng vào lớp tiếp theo, không học lại năm nào. Và các trường trung học **không bắt buộc IELTS/TOEFL**: học sinh quốc tế thường nộp kết quả bài thi **AEAS** (giá trị 12 tháng); nếu tiếng Anh chưa tương đương IELTS 5.0, con học khóa tiếng Anh 10–40 tuần tại Úc trước khi vào chương trình chính. Mặt bằng học lực: điểm trung bình lớp 7–9 từ 6.5 trở lên; trường nội trú đòi hỏi cao hơn cả về học lực lẫn tiếng Anh.

Quy trình: đơn kèm phí, học bạ dịch công chứng, kết quả AEAS → phỏng vấn (thường trực tuyến, với hiệu trưởng hoặc trưởng bộ phận nội trú) → thư mời → đóng cọc → trường cấp **CoE** (xác nhận ghi danh) và **CAAW** (xác nhận chỗ ở và phúc lợi) → xin visa du học (subclass 500). CAAW chính là câu trả lời của Úc

cho câu hỏi giám hộ: trường đứng ra chịu trách nhiệm về chỗ ở và phúc lợi của học sinh dưới 18 — nội trú trong trường hoặc homestay do trường phê duyệt. Phương án còn lại: cha hoặc mẹ sang sống cùng con theo diện visa giám hộ.

Visa Úc có đặc thù dễ chịu: phỏng vấn qua điện thoại **bằng tiếng Việt**, đôi khi phỏng vấn cả phụ huynh. Tính đến tháng 8/2026, việc có phải nộp chứng minh tài chính hay không do danh sách hồ sơ (Document Checklist) của Bộ Nội vụ Úc quyết định — cập nhật hai lần mỗi năm theo quốc tịch và từng trường, và cơ quan xét duyệt vẫn có thể yêu cầu bổ sung trong quá trình xử lý. Gia đình nên chuẩn bị sẵn bằng chứng tài chính (mức sinh hoạt tối thiểu AUD 29.710/năm cộng học phí và vé máy bay) thay vì trông đợi được miễn. Visa xét thường 1–3 tháng. Hết lớp 12, con thi chứng chỉ tốt nghiệp của bang (VCE, HSC…) kèm điểm xếp hạng **ATAR** để xét vào đại học Úc.

New Zealand: nhẹ chi phí, nhẹ thủ tục

New Zealand theo hệ phổ thông **13 năm**: trung học bắt đầu từ Year 9 (khoảng 13 tuổi), ba năm cuối học chương trình quốc gia **NCEA** ba cấp độ — Cấp 3 là căn cứ xét vào đại học. Hồ sơ đơn giản: học bạ (nên giữ điểm trung bình từ 6.5), hộ chiếu, ảnh và một lá thư con tự viết giới thiệu bản thân. Bậc phổ thông **không cần chứng chỉ tiếng Anh**: trường phỏng vấn trực tiếp để đánh giá; chưa đạt thì học lớp ESL trước hoặc song song.

Chi phí vẫn nhẹ hơn ba nước còn lại: trường công thu học phí khoảng NZD 15.000–20.000/năm; trường tư khoảng NZD 25.000–40.000/năm học phí, còn nội trú trọn gói ở các trường tư hàng đầu có thể tới NZD 60.000–80.000/năm. Chỗ ở cho học sinh dưới 18 chỉ có hai kênh — homestay khoảng NZD 350–450/tuần (tức khoảng NZD 1.400–1.800/tháng) hoặc ký túc xá của trường khoảng NZD 16.000–20.000/năm (khoảng NZD 1.300–1.700/tháng) — và con **bắt buộc có người bảo trợ** được trường chấp thuận. Số liệu tính đến tháng 8/2026.

Visa nộp qua trung tâm VFS New Zealand tại TP.HCM, chứng minh tài chính khoảng NZD 17.000/năm cho bậc phổ thông, xét trung bình khoảng 2 tháng. Cộng thời gian làm hồ sơ với trường, nên bắt đầu trước kỳ nhập học 6–8 tháng.

Bảng so sánh nhanh — kèm Mỹ để đối chiếu

Chi phí dưới đây là **ước tính** tổng học phí cộng ăn ở mỗi năm, để so bậc thang giữa các nước — con số thật dao động mạnh theo trường và thành phố.

Tiêu chí	Mỹ	Anh	Úc	New Zealand
Tuổi/lớp vào phổ biến	Lớp 9–10 (14–16 tuổi)	11, 13 hoặc 16 tuổi	Lớp 7–12, phổ biến lớp 10–11	Từ Year 9 (khoảng 13 tuổi)
Bài kiểm tra thường gặp	SSAT + TOEFL/Duolingo (tùy trường)	Thi đầu vào của trường (CEE/ISEB, 11+/13+), UKiset	AEAS; không bắt buộc IELTS	Thường không cần chứng chỉ; trường phỏng vấn
Giám hộ dưới 18 tuổi	Trường nội trú quản lý; trường bán trú qua homestay có điều phối	Bắt buộc người giám hộ tại Anh	Trường xác nhận qua CAAW, hoặc phụ huynh đi cùng (visa giám hộ)	Bắt buộc người bảo trợ; homestay/ký túc xá được phê duyệt
Chi phí ước tính/năm	$60.000–$85.000 nội trú trọn gói; bán trú + homestay từ $16.000 (Chương 7)	khoảng £40.000–£60.000/năm (tính đến tháng 8/2026, đã gồm 20% VAT áp dụng với học phí trường tư từ tháng 1/2025); các trường danh tiếng nhất có thể vượt £65.000/năm	AUD 40.000–80.000 (trường nội trú tư thục hàng đầu có thể vượt AUD 100.000/năm)	NZD 35.000–60.000 (nội trú tư thục hàng đầu có thể tới khoảng NZD 80.000)
Khai giảng năm học	Tháng 8–9	Tháng 9	Cuối tháng 1 (nhận thêm kỳ tháng 4, 7, 10)	Cuối tháng 1 – đầu tháng 2 (kỳ tháng 7 cũng nhận)

LƯU Ý

Úc và New Zealand khai giảng năm học vào **cuối tháng 1 – đầu tháng 2**, ngược hẳn với Mỹ và Anh (tháng 8–9). Cùng một quyết định trong mùa hè, con có thể nhập học Úc/New Zealand sớm hơn nửa năm — hoặc chờ lâu hơn nếu lỡ kỳ. Riêng Úc nhận thêm vào tháng 4, 7, 10 nên hiếm khi chờ quá một quý.

Nước nào hợp với gia đình nào?

- **Mỹ** — muốn nhiều kiểu môi trường để chọn (nội trú hoặc trường bán trú kèm homestay), hướng con vào đại học Mỹ, sẵn sàng xây hồ sơ toàn diện từ sớm.
- **Anh** — đề cao truyền thống nội trú và kỷ luật học thuật, khá chắc hướng đại học Anh/châu Âu, có thể chuẩn bị trước hai năm và chịu được ngân sách cao nhất nhóm.
- **Úc** — muốn gần Việt Nam (bay thẳng, chênh múi giờ ít), con chưa có chứng chỉ tiếng Anh, ưu tiên lộ trình liền mạch vào đại học Úc qua ATAR.

- **New Zealand** — ngân sách vừa phải là ràng buộc chính, cần thủ tục nhẹ nhàng, chấp nhận ít lựa chọn trường nội trú hơn ba nước còn lại.

> **DÀNH CHO HỌC SINH**
>
> Ở cả ba nước, vòng phỏng vấn với trường là phần em phải tự làm. Hãy luyện nói bằng tiếng Anh về ba điều: vì sao em muốn học xa nhà, môn học và hoạt động em thích nhất, và em sẽ đóng góp gì cho trường. Câu trả lời thật luôn thuyết phục hơn đoạn văn thuộc lòng.

Con học trung học ở nước nào thì câu hỏi kế tiếp vẫn là đại học ở đó ra sao. Chương cuối nhìn thẳng vào chặng đó cho lộ trình Mỹ — và chỉ chỗ đọc tiếp cho cả bốn nước.

CHƯƠNG 11

Sau nội trú: cánh cửa vào đại học Mỹ

Ít gia đình chọn nội trú chỉ vì mấy năm trung học; điều bạn thực sự đầu tư là vị thế của con khi nộp đơn đại học. Chương cuối này nói cụ thể vị thế đó gồm những gì — và nói thẳng một điều không phải công ty tư vấn nào cũng chịu nói: nội trú không phải điều kiện bắt buộc để vào đại học hàng đầu của Mỹ.

Bốn thứ thay đổi trong hồ sơ sau vài năm học tại Mỹ

Tốt nghiệp một trường trung học Mỹ, hồ sơ đại học của con khác hẳn hồ sơ nộp từ Việt Nam ở bốn điểm:

- **GPA trên học bạ Mỹ.** Ban tuyển sinh đọc trực tiếp — không phải quy đổi thang điểm 10 sang 4.0, không phải đoán mức độ "chặt tay" của một trường họ chưa từng nghe tên.
- **Thư giới thiệu bằng tiếng Anh** từ giáo viên dạy con hàng ngày, viết đúng thể loại ban tuyển sinh quen đọc.
- **College counselor** — chuyên viên hướng nghiệp của trường, làm việc với các đại học Mỹ hằng năm, giúp con lập danh sách trường sát hồ sơ thật.
- **Quyền tiếp cận AP hoặc IB** ngay trong thời khóa biểu chính khóa.

AP và IB: bằng chứng con học được ở cường độ đại học

AP (Advanced Placement) là chương trình xếp lớp nâng cao của College Board, tính đến tháng 8/2026 có hơn 40 môn thuộc 8 nhóm lĩnh vực (gồm cả các môn mới như AP Precalculus hay AP Cybersecurity); thi vào tháng Năm hằng năm, chấm thang 5, điểm 3 là đạt với hầu hết các trường. Theo College Board, gần như tất cả đại học Mỹ đều cấp tín chỉ hoặc xếp lớp cho điểm AP đạt chuẩn, và một học bạ có nhiều môn AP điểm cao là tín hiệu học thuật mạnh trong mắt ban tuyển sinh. AP không phải yếu tố quan trọng nhất, nhưng là điều kiện cần nếu con muốn cạnh tranh vào nhóm trường hàng đầu.

IB Diploma là chương trình hai năm cuối cấp: 6 môn học (3 môn Higher Level, 3 môn Standard Level) cộng ba yêu cầu cốt lõi — TOK, bài luận nghiên cứu Extended Essay 4.000 chữ và chuỗi hoạt động CAS. Điểm tối đa 45, đậu từ 24, trung bình toàn cầu quanh 30. Đại học Mỹ thường coi IB nghiêm ngặt hơn AP về chiều sâu và kỹ năng viết; để cạnh tranh nhóm Ivy League, MIT, Stanford, học sinh quốc tế thường cần 40–45 điểm.

Điểm nâng cao quy đổi thành tín chỉ — tức là thành tiền

Điểm AP và IB tốt có thể được miễn tín chỉ năm nhất. Học sinh hoàn thành IB Diploma với điểm HL cao có thể nhập học với khoảng 30–45 tín chỉ sẵn có — gần một năm đại học, tức là bớt học phí, hoặc mở đường học hai chuyên ngành mà không kéo dài thời gian. Với AP, nhiều trường miễn các lớp nhập môn tương đương; một số sinh viên nhờ vậy tốt nghiệp chỉ sau ba năm.

LƯU Ý

Không phải trường nào cũng quy đổi. Brown, Caltech, Harvey Mudd và một số trường hàng đầu khác không cấp tín chỉ từ điểm AP; nhóm Harvard, Princeton, Yale thường chỉ cho tín chỉ với môn IB HL đạt 6–7 điểm. Trước khi tính toán tài chính dựa trên tín chỉ, hãy tra trang "AP credit policy" hoặc "IB credit policy" trên website từng trường.

Nói thẳng: không cần nội trú mới vào được trường hàng đầu

Đây là chỗ chúng tôi muốn tỉnh táo cùng bạn. Học sinh giỏi hoàn toàn có thể trúng tuyển khi nộp đơn từ Việt Nam: tấm bằng IB lấy tại các trường IB World School trong nước như UNIS Hanoi, ISHCMC hay BIS mang đúng giá trị đó trong mắt ban tuyển sinh, và tự học 4–5 môn AP song song chương trình phổ thông Việt Nam là con đường thực tế với nhiều gia đình. Nội trú mua cho con **quyền tiếp cận** — hệ thống môn học, thầy cô hiểu cuộc chơi, môi trường tiếng Anh toàn thời gian — chứ không mua kết quả. Hồ sơ vẫn do con tự xây, ở bất cứ đâu.

DÀNH CHO HỌC SINH

Trường mở cửa, nhưng người bước qua là em. Hãy chọn môn AP hoặc môn HL gắn với ngành em định học — engineering thì Math, Physics, Chemistry; business thì Economics, Math, English — để từng điểm số trong học bạ kể cùng một câu chuyện.

Chặng tiếp theo của gia đình bạn

Nếu bạn đọc cuốn này khi con mới lớp 8–9, nội dung ở đây đủ dùng cho vài năm tới. Đến lớp 11, câu chuyện chuyển hẳn sang một bộ hồ sơ khác: SAT/ACT, bài luận cá nhân, danh sách trường, học bổng và visa F-1 bậc đại học.

DHTC có riêng một cuốn cẩm nang cho chặng đó: **Cẩm nang Du học Mỹ · bản Đại học** — tải tại **duhocthanhcong.vn/cam-nang/dai-hoc/**. Hai cuốn nối tiếp nhau: cuốn này đưa con vào trường trung học Mỹ, cuốn kia đưa con từ trung học vào giảng đường đại học.

PHỤ LỤC & LIÊN HỆ

Bảng kiểm cho gia đình

Toàn bộ cuốn cẩm nang, rút lại thành một trang để dán lên tủ lạnh. Mỗi trường tự đặt hạn của mình (xem Chương 2) — hãy điền ngày cụ thể theo danh sách trường của gia đình bạn.

12–18 tháng trước ngày nhập học

- Cả nhà trả lời câu hỏi Chương 1: con có *tự* muốn đi không? Chưa chắc — cân nhắc một trại hè tại trường nội trú Mỹ trước khi quyết.
- Chốt ngân sách thật cho cả chặng 3–4 năm (và nhìn trước 4 năm đại học) — Chương 7.
- Chọn lớp nhập học ở Mỹ; quyết định có "lùi một lớp" hay không — Chương 2.
- Lập danh sách 5–10 trường chia ba nhóm an toàn — mục tiêu — mơ ước; ghi hạn nộp của từng trường — Chương 3.
- Bắt đầu luyện SSAT và tiếng Anh; con đọc tiếng Anh mỗi ngày — Chương 6.
- Nếu có điều kiện: một chuyến thăm trường trong hè.

Mùa thi & phỏng vấn (khoảng tháng 9 – tháng 1)

- Thi SSAT và chứng chỉ tiếng Anh sớm để còn cơ hội thi lại; đăng ký đúng họ tên trên hộ chiếu.
- Dịch công chứng học bạ 2–3 năm gần nhất; ký Transcript Release Form — Chương 4.
- Nhờ thầy cô viết 2–3 thư giới thiệu trước hạn ít nhất một tháng; kiểm tra thầy cô đã nhận được email hệ thống.
- Con viết bài luận (vài vòng sửa); bạn viết parent statement *sau cùng*, khớp với hồ sơ của con.
- Con tập 2–3 buổi phỏng vấn thử bằng tiếng Anh; chuẩn bị 3–5 câu hỏi riêng cho từng trường — Chương 5.
- Nộp hồ sơ và lệ phí trước hạn từng trường; xác nhận hồ sơ đủ thành phần.

Sau khi có kết quả (khoảng tháng 3 – tháng 4)

- So các thư nhận học bằng tiêu chí của gia đình (Chương 3), không chỉ bằng thứ hạng.
- Trả lời trường và đặt cọc giữ chỗ đúng hạn; báo lịch sự cho các trường còn lại.
- Nhận I-20, kiểm tra từng chi tiết; đóng phí SEVIS I-901 và lệ phí visa — Chương 8.
- Cùng con rà lại mạng xã hội trước khi khai DS-160; luyện phỏng vấn visa bằng tiếng Anh.
- Đặt lịch hẹn phỏng vấn sớm — mùa hè lịch thường đông.

Trước ngày bay

- Khám sức khỏe, tiêm chủng theo yêu cầu của trường; hoàn thiện hồ sơ y tế song ngữ.
- Mua bảo hiểm y tế nếu trường chưa gộp trong phí; lưu số khẩn cấp hai đầu Việt – Mỹ.

- Xin danh sách đầu mối của trường: cố vấn, giáo viên quản nhiệm ký túc, phụ trách học sinh quốc tế — Chương 9.
- Soạn hành lý theo danh mục nên mang / đừng mang ở Chương 9; giấy tờ gốc luôn trong hành lý xách tay.
- Thống nhất nhịp liên lạc: một cuộc video cố định hằng tuần — và nhớ, cuộc gọi tủi thân ở tuần thứ sáu là đúng lịch trình.

Bước tiếp theo cùng DHTC

Cẩm nang cho bạn bản đồ; từng gia đình vẫn cần lộ trình của riêng mình. Khi muốn đi tiếp, đây là những cánh cửa của chúng tôi — dùng thứ nào tùy bạn:

- **Công cụ chọn trường** (nhánh THPT riêng): duhocthanhcong.vn/tim-truong-phu-hop/ — 4 câu hỏi, tối đa 20 trường theo hồ sơ và ngân sách.
- **Danh mục ~310 trường THPT Mỹ**: duhocthanhcong.vn/truong-thpt/ — chi phí, tỷ lệ nội trú, hình thức tiếp nhận của từng trường.
- **Cẩm nang bản Đại học** — cho chặng sau lớp 12: duhocthanhcong.vn/cam-nang/dai-hoc/
- **Zalo DHTC** — hỏi nhanh, kể cả chỉ một câu: zalo.me/611862285136543671
- **Văn phòng Hà Nội** — Tầng 6, Tòa nhà Horison Tower, 40 Cát Linh · 024 38 47 4888
- **Văn phòng Tp.HCM** — Tầng 2, Toà nhà SGR, 167-169 Điện Biên Phủ · 0283 519 4848
- **Email**: info@duhocthanhcong.vn

Dù gia đình bạn đi tiếp cùng chúng tôi hay tự mình, mong cuốn cẩm nang này giúp bạn đặt những câu hỏi đúng — và chúc con bạn một hành trình xứng đáng với quyết định lớn mà cả nhà đang cân nhắc.